

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: TOÁN ỨNG DỤNG
MÃ NGÀNH: 7460112
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO: CHÍNH QUY

Hải Phòng - 2025

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBQL:	Cán bộ quản lý
CGCN:	Chuyển giao công nghệ
CNKT:	Công nghệ kỹ thuật
CNTT:	Công nghệ thông tin
CTĐT:	Chương trình đào tạo
CSVC:	Cơ sở vật chất
CVHT:	Cố vấn học tập
ĐBCL:	Đảm bảo chất lượng
ĐH:	Đại học
GD&ĐT:	Giáo dục và Đào tạo
GV:	Giảng viên
GVCN:	Giảng viên chủ nhiệm
KĐCLGD:	Kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN:	Khoa học và công nghệ
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
PVCĐ:	Phục vụ cộng đồng
QLCL:	Quản lý chất lượng
SV:	Sinh viên
TC:	Tín chỉ
THPT:	Trung học phổ thông
THCS:	Trung học cơ sở

MỤC LỤC

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC.....	1
I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	1
1.1. Giới thiệu về trường Đại học Sao đỏ.....	19
1.2. Giới thiệu về khoa Luật và Giáo dục đại cương	10
II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH NGÀNH TOÁN ỨNG DỤNG	13
2.1. Căn cứ vào định hướng phát triển.....	13
2.2. Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực.....	14
2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển	17
III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TOÁN ỨNG DỤNG.....	19
3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng CTĐT	19
3.2. Chương trình đào tạo tham khảo	20
3.3. Nội dung CTĐT.....	Error! Bookmark not defined.
3.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	36
3.5. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo.....	37
IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	38
4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT	38
4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học	43
4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên.....	75
V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	75
5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học	75
5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo	79
VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO	99
6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo.....	99
6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở.....	99
VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO	99
7.1. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành.....	99
7.2. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo	101
VIII. TỰ ĐÁNH GIÁ	102
PHẦN 2: CÁC MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN	103

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Cách quy đổi điểm học phần	37
Bảng 4.1. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP trong CTĐT ngành Toán ứng dụng	39
Bảng 4.2. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học.....	43
Bảng 4.3. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học	52
Bảng 5.1. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	76
Bảng 5.2. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy	77
Bảng 5.3. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện	79
Bảng 5.4. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Luật	80
Bảng 5.5. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Toán ứng dụng dự kiến mở	99

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ	8
Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường.....	8

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

PHẦN 1. ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Sao Đỏ

1.1.1. Khái quát về lịch sử phát triển, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trực thuộc Bộ Công Thương. Trường chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Công Thương; quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự chỉ đạo về các lĩnh vực nghiệp vụ của các bộ, ngành có liên quan và chịu sự quản lý nhà nước theo địa giới hành chính của Ủy ban nhân dân TP. Hải Phòng. Trường được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Nhà trường đã có 56 năm truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ của Bộ trưởng Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

1.1.1.1. Vị trí, chức năng

- Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của pháp luật; hợp tác quốc tế; hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trường có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: SAO DO UNIVERSITY (viết tắt là SDU); trụ sở chính đặt tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Chu Văn An, TP. Hải Phòng.

1.1.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trường

a. Tổ chức và nhân sự

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm;

- Tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật;

- Thành lập các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức đã được Bộ Công Thương phê duyệt; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo và quyết định các vấn đề về cán bộ theo quy định pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Tiếp nhận, luân chuyển, nâng lương, nghỉ chế độ, khen thưởng, kỷ luật, cử đi học, đi công tác trong và ngoài nước đối với viên chức, người lao động trong trường theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Công Thương;

- Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học.

b. Hoạt động giáo dục, đào tạo và quản lý người học

- Phát triển chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình đào tạo; nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế theo quy định;

- Triển khai hoạt động đào tạo theo kế hoạch phù hợp với quy mô và hình thức đào tạo;

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo, bồi dưỡng các trình độ đào tạo của giáo dục đại học và các trình độ đào tạo khác sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức biên soạn, thẩm định, phát hành sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu;

- Thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát văn bằng cho người học và quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật. Công bố công khai mẫu văn bằng, thông tin liên quan đến việc cấp văn bằng cho người học trên trang thông tin điện tử của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch giáo dục và quản lý sinh viên; phối hợp với các cơ quan, tổ chức và gia đình người học thực hiện các biện pháp quản lý và giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện.

c. Hoạt động đảm bảo chất lượng

- Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của nhà trường; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào

tạo và kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chịu sự kiểm định chất lượng của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục;

- Duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, kết quả đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, kết quả đánh giá và kiểm định.

d. Hoạt động khoa học và công nghệ

- Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ theo kế hoạch, chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn;

- Huy động các nguồn lực, tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thực nghiệm, đặt hàng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;

- Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

- Tổ chức, tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế về giáo dục, khoa học công nghệ theo quy định.

e. Hợp tác đào tạo trong và ngoài nước

- Hợp tác liên doanh, liên kết, huy động các nguồn lực, nhận tài trợ, góp vốn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao theo quy định pháp luật;

- Hợp tác với các tổ chức, cá nhân, cơ sở giáo dục nước ngoài để: trao đổi giảng viên, sinh viên phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, công nghệ; liên kết, liên thông dọc, ngang và công nhận lẫn nhau về kết quả đào tạo với một số cơ sở giáo dục nước ngoài theo thỏa thuận của hai bên, phù hợp với quy định pháp luật;

- Liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật;

- Phối hợp với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức đào tạo thực hành, thực tập nhằm nâng cao kỹ năng thực hành, thực tập và tăng cơ hội việc làm của sinh viên theo quy định;

- Cung cấp các chương trình giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, tổ chức đào tạo liên thông giữa các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, đào tạo chuyển tiếp cho trường đại học khác theo nhu cầu địa phương theo quy định pháp luật và cơ quan có thẩm quyền;

- Tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm, đào tạo phục vụ xuất khẩu lao động, tổ chức trải nghiệm trong nước và nước ngoài cho người học theo quy định của pháp luật.

g. Quản lý tài chính và tài sản

- Thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ Công Thương;

- Ban hành các quy định, quy chế quản lý nội bộ; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng các dự án có vốn đầu tư trong và ngoài nước trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện các thỏa thuận, các dự án tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Được sử dụng tài sản công vào việc kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật nhằm mục đích phát triển nhà trường, theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển, phù hợp với môi trường giáo dục;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu xã hội gắn với các ngành, nghề đào tạo của nhà trường theo quy định của pháp luật.

h. Tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông qua các hình thức in, xuất bản các ấn phẩm, tài liệu, tạp chí, giáo trình, sách chuyên khảo và trang thông tin điện tử phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

i. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, xây dựng nếp sống văn hóa và môi trường sư phạm. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

k. Thực hiện trách nhiệm giải trình và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nhà trường có triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Triết lý giáo dục: “Toàn diện – Sáng tạo – Thích ứng”.

Sứ mạng: “Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao có đạo đức, kiến thức, kỹ năng, năng lực số, phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu xã hội; nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao tri thức; kết nối, phục vụ cộng đồng và hội nhập quốc tế”.

Tầm nhìn đến năm 2045: “Phát triển Nhà trường trở thành cơ sở giáo dục theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, tự chủ tài chính, đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của vùng, địa phương; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài về lĩnh vực khoa học công nghệ, kỹ thuật cho địa phương và đất nước”.

Giá trị cốt lõi: “Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến”.

Mục tiêu của Nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học có chất lượng cao. Đảm bảo người học phát triển một cách toàn diện: có phẩm chất chính trị, đạo đức, có thái độ lao động tốt; có ý thức phục vụ cộng đồng và khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức trong giai đoạn hiện nay.

Để thực hiện thành công triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng, Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng trong quy định về công tác bảo đảm chất lượng và xây dựng một mạng lưới quản lý chất lượng đến các khoa, phòng, trung tâm. Song song với đó, Nhà trường thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015.

Nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục do BGDDT ban hành và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục (CLGD), hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp Giấy chứng nhận số 112/QĐ-KĐCLGD ngày 27/11/2017; Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGD ngày 27/01/2023 (chu kỳ 2).

1.1.2. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có 247 cán bộ viên chức. Đội ngũ giảng viên là 184 người, giảng viên có trình độ tiến sĩ là 49 (chiếm 26,7%); thạc sĩ 135 người (chiếm 73,3%). Nhiều giảng viên của Nhà trường là những chuyên gia có

uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, đã tham gia các hội đồng nghiệm thu đề tài cấp tỉnh/bộ/ngành, nhà nước.

1.1.3. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Nhà trường đang đào tạo các ngành trình độ đại học, cụ thể như sau: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ thực phẩm hóa học; Công nghệ thông tin; Quản trị kinh doanh; Kế toán; Công nghệ dệt, may; Việt Nam học, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc; 01 CTĐT trình độ thạc sĩ (ngành Kỹ thuật điện tử). Nhà trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên 40 nghìn cử nhân, kỹ sư ở các lĩnh vực đào tạo.

Trong giai đoạn 2020 ÷ 2025, Nhà trường thực hiện 01 dự án Vingroup, (08) đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ và 281 đề tài NCKH cấp cơ sở (trong đó 108 đề tài GV và 173 đề tài của SV), 56 sản phẩm/công trình sáng tạo KHCN; các kết quả nghiên cứu được áp dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ trung bình mỗi năm đăng 68 đến 71 bài là các công trình nghiên cứu của đội ngũ cán bộ, GV, SV trong trường và ngoài trường. Trong giai đoạn 2020 ÷ 2025, cán bộ, giảng viên Nhà trường đã công bố 708 bài báo, báo cáo khoa học trên các tạp chí và hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó, có 69 bài báo, báo cáo khoa học công bố trên các tạp chí, hội nghị khoa học quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI, Scopus. Biên soạn, xuất bản 34 sách tham khảo, chuyên khảo, giáo trình được áp dụng vào quá trình đào tạo và NCKH. Tính đến năm 2025, tạp chí NCKH – Đại học Sao Đỏ đã có 04 ngành và liên ngành được hội đồng giáo sư Nhà nước tính điểm công trình (từ 0,25 ÷ 0,5 điểm) gồm: Liên ngành Cơ khí - Động lực, Điện - Điện tử - Tự động hóa, Triết học - Xã hội học - Chính trị học, Kinh tế. Nhà trường đã thành lập nhiều đội Robocon tham gia cuộc thi toàn quốc và có 46 đội Robocon lọt vào vòng chung kết toàn quốc, trong đó có 01 đội đạt giải Ba toàn quốc năm 2019.

Nhà trường đã thiết lập mối quan hệ với các cơ sở giáo dục nước ngoài thuộc các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, cộng hòa Pháp, Liên bang Nga,... Trong giai đoạn đầu, hai bên đã hợp tác về các lĩnh vực trao đổi về học thuật, trao đổi nghiên cứu sinh, sinh viên đi thực tập, trải nghiệm,... làm cơ sở triển khai hợp tác về lĩnh vực NCKH, trao đổi giảng viên.

1.1.4. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Nhà trường có bộ phận đảm bảo chất lượng chuyên trách, hằng năm: Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động đảm bảo chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng; tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; phối hợp với các đơn vị công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng trên website và hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục đại học của BGDĐT. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm Kiểm định CLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của BGDĐT. Từ năm 2022 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng CTĐT, đến nay, Nhà trường có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; CNKT ô tô; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Quản trị kinh doanh; Công nghệ dệt, may; Kế toán và Ngôn ngữ Trung Quốc.

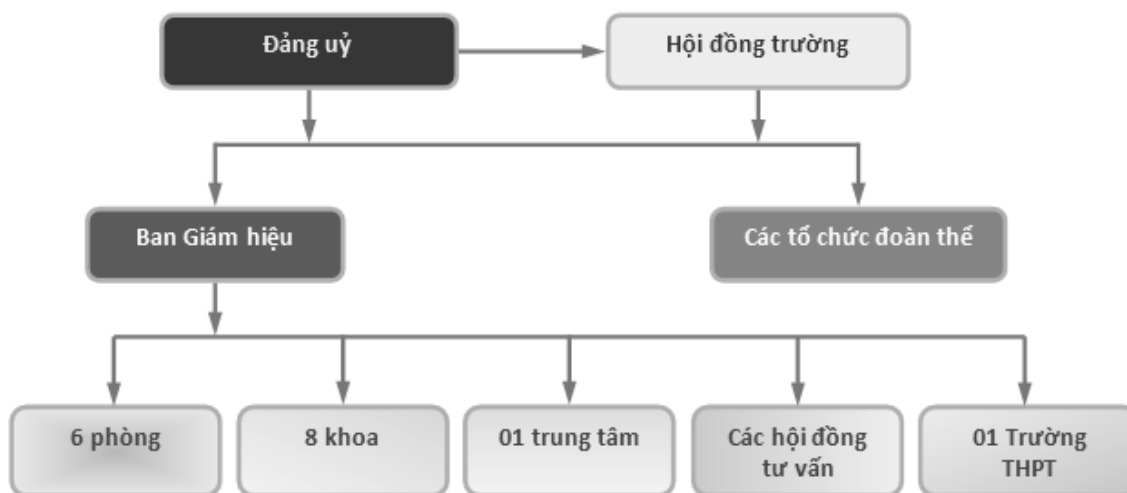
1.1.5. Cơ sở vật chất

Nhà trường hiện có 02 cơ sở đào tạo tại P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng với tổng diện tích 27ha, trong đó: 126 phòng học, phòng làm việc và 01 giảng đường đa năng với tổng diện tích là 8.087m²; ngoài ra còn có thư viện, trung tâm học liệu và trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập với tổng diện tích là 22.273m². Trong những năm qua, Nhà trường triển khai thực hiện và hoàn thành dự án xây dựng, cải tạo các công trình đảm bảo cung cấp đủ phòng làm việc và các phòng chức năng cho cán bộ, viên chức và nhân viên. Phòng học lý thuyết đều được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát; phòng thực hành/thực nghiệm được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng; phòng làm việc của cán bộ, giảng viên đều được trang bị đầy đủ bàn, ghế, điều hòa không khí, máy vi tính, máy in.

1.1.6. Cơ cấu tổ chức

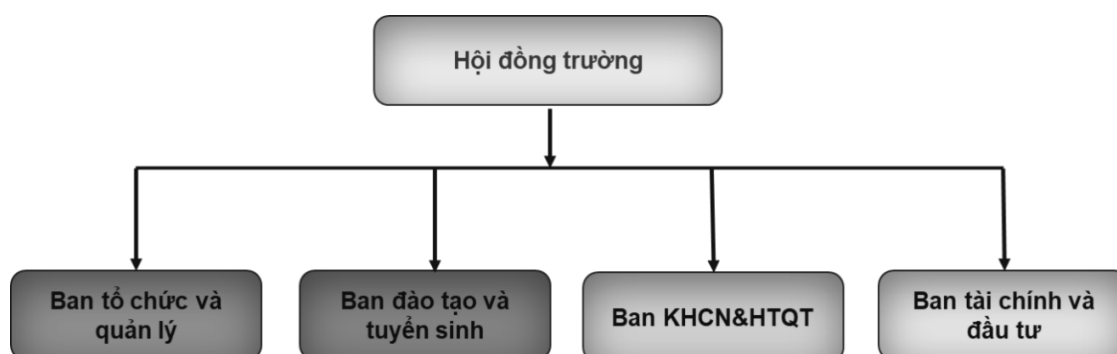
Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Nhà trường gồm: BCH đảng ủy, hội đồng trường, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn thanh niên, 06 phòng chức năng, 01 trung tâm,

08 khoa, 01 trường THPT và các hội đồng tư vấn. Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được xây dựng theo quy định của Bộ Công Thương, Chính phủ. Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Công nghiệp Sao Đỏ. Trường đã có 56 truyền thống xây dựng và phát triển với chức năng và nhiệm vụ chính của trường là: Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ cộng đồng. Nhà trường có tầm nhìn, triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi như sau:



Hình 1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ

Cơ cấu tổ chức của hội đồng trường



Hình 2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của hội đồng trường

1.1.7. Những thành tích nổi bật

Trường Đại học Sao Đỏ đã trải qua 1/2 thế kỷ xây dựng và phát triển. Trường liên tục đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc và được các cấp khen thưởng, các Bộ ngành tặng thưởng 46 cờ thi đua xuất sắc, Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng 26 Huân chương, trong đó: 01 Huân chương Độc lập

hạng Nhất, 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba; 02 Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba; 01 Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba; 01 Huân chương Chiến công hạng Ba,... Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công An, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Cờ, Bằng khen; Ủy ban Nhân dân tỉnh Công nhận danh hiệu Cơ quan văn hóa, đơn vị an toàn về an ninh trật tự... và nhiều phần thưởng khác như Cúp vàng ISO; Siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững; Giải thưởng "Sáng tạo Khoa học công nghệ Việt Nam - VIFOTEC"; năm 2025 Nhà trường đạt trong Top 20 thương Hiệu vàng Việt Nam.

1.1.8. Thông tin đào tạo của Trường

- Tên trường:
- + Tên tiếng Việt: Trường Đại học Sao Đỏ.
- + Tên tiếng Anh: Sao Do University (SDU).
- Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Công Thương.
- Địa chỉ:
- + Cơ sở 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P.Chu Văn An, TP.Hải Phòng.
- + Cơ sở 2: Số 72, KDC Thái Học, P.Chu Văn An, TP.Hải Phòng.
- Thông tin liên hệ:
- + Điện thoại: 02203882269; Số fax: 02203882921.
- + Email: info@saodo.edu.vn; Website: <http://saodo.edu.vn>;

1.1.9. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Tên ngành đào tạo: Toán ứng dụng
- Mã ngành: 7460112
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Phương thức tuyển sinh:
- + Xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh hiện hành.
- + Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hằng năm. Các tổ hợp môn xét tuyển sinh:

A00 – Toán, Vật lý, Hóa học

A01 – Toán, Vật lý, Tiếng Anh

D01 – Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

D07 – Toán, Hóa học, Tiếng Anh

D90 – Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh

A19 – Toán, Vật lý, Giáo dục công

- + Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT.
- + Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức; Kỳ thi Đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ (bao gồm cả Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).
- Thời gian đào tạo: 4 năm

1.2. Giới thiệu về Khoa Luật và Giáo dục đại cương

Khoa Luật và Giáo dục đại cương - Trường Đại học Sao Đỏ được thành lập ngày 21/1/2025 (sáp nhập từ hai khoa: Khoa Giáo dục chính trị và Thể Chất và Khoa Khoa học Cơ bản, tập thể sư phạm khoa đã và đang khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Nhà trường. Khoa hiện có 36 GV (trong đó 24 GV cơ hữu, 12 GV giảng dạy kiêm nhiệm), 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 15 GV là tiến sĩ (chiếm 41,67%), 02 GV đang làm nghiên cứu sinh.

Nhiệm vụ chính của khoa là xây dựng mục tiêu, chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình cho các ngành học thuộc bậc đại học ngành Luật, ngành Toán ứng dụng và các học phần giáo dục đại cương. Thông qua các học phần đại cương giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên và lĩnh vực xã hội. Qua đó, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến, rèn luyện nâng cao thể lực cho sinh viên để học tập và lao động, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ hiện đại trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong giai đoạn phát triển mới, chức năng và nhiệm vụ của Khoa đã được xác định rõ ràng, cụ thể sau:

Chức năng: Giúp Hiệu trưởng xây dựng chiến lược đào tạo của Khoa theo định hướng chiến lược chung của Trường; quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn của các Bộ môn trực thuộc và các hoạt động khác;

Nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược phát triển theo từng giai đoạn về quy mô đào tạo, đội ngũ GV;
- Quản lý mục tiêu, CTĐT của bộ môn thuộc khoa phụ trách nhằm đáp ứng yêu cầu về năng lực của NH sau đào tạo;

- Theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động giảng dạy, NCKH của các Bộ môn trực thuộc. Tạo mối gắn kết giữa các Bộ môn thông qua các hoạt động chuyên môn và các hoạt động khác;

- Tổ chức hoạt động KHCN, phối hợp với các tổ chức KHCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với NCKH, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

- Phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng các mối quan hệ trong nước và quốc tế nhằm tăng cường năng lực giảng dạy, NCKH cho GV;

- Điều phối hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo của các Bộ môn theo chiến lược chung của Nhà trường;

- Tổ chức sắp xếp công việc hợp lý cho GV; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng GV hằng năm;

- Theo dõi, giám sát các bộ môn thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp cho NH cũng như cho GV;

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức bảo trì thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học do khoa quản lý;

- Tham gia công tác tuyển sinh và các hoạt động khác của Nhà trường;

- Tham gia công tác giảng viên chủ nhiệm hỗ trợ các khoa đào tạo;

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công và chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Những giá trị khác biệt: Khoa Luật và Giáo dục đại cương đi đầu trong công tác giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên và lĩnh vực xã hội; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến của sinh viên đối với đất nước và kiến thức pháp luật.

Về chất lượng đội ngũ GV: Tính đến tháng 10/2025 khoa hiện có 36 GV đang trực tiếp giảng dạy (trong đó 24 GV cơ hữu, 12 GV dạy kiêm nhiệm), 100% có trình độ thạc sĩ trong đó có 15 GV là tiến sĩ (chiếm 41,67%), 02 GV đang nghiên cứu sinh. Đội ngũ GV trong khoa có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi. Bằng sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể giảng viên, Khoa được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như: Bộ Công thương tặng 05 Bằng khen; Công đoàn Công Thương tặng 12 Bằng khen; Tỉnh Hải Dương tặng 03 Bằng khen; 05 chiến sĩ thi đua cấp Bộ; 12 giảng viên được Bộ Công Thương tặng Bằng khen. Hằng năm 100% GV trong khoa đều được đánh giá xếp loại GV và đạt loại khá trở lên. Các GV luôn tâm huyết với nghề nghiệp, hết lòng vì NH.

Về cơ sở vật chất: Khoa Luật và Giáo dục đại cương hiện có đủ số phòng chức năng phục vụ cho các hoạt động của Khoa, hệ thống phòng chức năng được thiết kế đầy đủ ánh sáng, trang thiết bị, đảm bảo điều kiện làm việc cho GV trong khoa. Khoa hiện có 2 phòng làm việc với tổng diện tích 238 m² đạt bình quân 8,8 m²/GV, đảm bảo diện tích phòng làm việc cho GV theo quy định. Khoa hiện đang quản lý 02 phòng thí nghiệm với tổng diện tích 168 m², 01 phòng thực hành diễn án và thực hành luật với diện tích 60 m² và 01 nhà thể thao đa năng với diện tích 1.300 m².

Về đào tạo kỹ năng thực hành thực nghiệm: Phòng thí nghiệm và phòng thực hành của Khoa đặt tại tầng 2 nhà A, trong đó các phòng được đầu tư các trang thiết bị tiên tiến, hiện đại phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Về NCKH: Giai đoạn 2020 - 2025, Khoa Luật và Giáo dục đại cương đã chủ trì và tham gia thực hiện 04 đề tài cấp bộ/tỉnh, 26 đề tài NCKH cấp cơ sở. GV trong Khoa đã công bố 8 giáo trình/sách chuyên khảo, 12 tài liệu học tập, 03 bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế, 110 bài trên tạp chí khoa học trong nước, 02 bài trong hội thảo khoa học ngoài nước và 32 bài trong hội thảo khoa học trong nước. Trong giai đoạn đánh giá khoa có 10 sản phẩm sáng tạo KHCN của GV và NH được công nhận và đạt giải tại Hội thi sáng tạo KHCN cấp trường, tất cả các sản phẩm KHCN nêu trên đều được ứng dụng vào trong giảng dạy.

Về CTĐT: Khoa Luật và Giáo dục đại cương được giao quản lý 02 CTĐT trình độ đại học là ngành Luật (được ban hành theo Quyết định số 105/QĐ-ĐHSD ngày 03/3/2025), ngành Toán ứng dụng (được ban hành theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHSD ngày 17/10/2025) và các học phần giáo dục đại cương cho các ngành đào tạo của Nhà trường.

Cơ sở vật chất của Khoa được Nhà trường trang bị hiện đại, đáp ứng cho người học có môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất như: phòng thí nghiệm vật lý, phòng thực hành diễn án và thực hành luật, nhà thể thao đa năng với các phương tiện, thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập nâng cao kiến thức và kỹ năng đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế. Cùng với lịch sử xây dựng và phát triển Trường Đại học Sao Đỏ, Khoa Luật và Giáo dục đại cương luôn đi đầu trong công tác giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học tự nhiên, lĩnh vực xã hội và pháp luật; tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cao đẹp, khơi dậy khát vọng cống hiến của sinh viên đối với đất nước.

II. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TOÁN ỨNG DỤNG

2.1. Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới giáo dục đại học

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng kinh tế số, kinh tế tri thức và công nghiệp 4.0, khoa học và công nghệ trở thành động lực then chốt thúc đẩy năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia. Các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, mô hình hóa, tối ưu hóa, tài chính định lượng, kỹ thuật mô phỏng và công nghệ thông tin đều dựa trên nền tảng của Toán học ứng dụng. Do đó, việc phát triển ngành Toán ứng dụng trong các cơ sở giáo dục đại học là yêu cầu tất yếu, góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo”, cùng với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021–2030, các cơ sở giáo dục đại học được khuyến khích chủ động mở mới các ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn kết đào tạo với thực tiễn sản xuất, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Việc Trường Đại học Sao Đỏ đề xuất mở ngành Toán ứng dụng xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng – một trung tâm kinh tế lớn của vùng Duyên hải Bắc Bộ, đồng thời là đầu mối giao thương, công nghiệp và logistics quan trọng của miền Bắc. Hải Phòng đang trên đà phát triển mạnh mẽ trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, cơ khí chính xác, điện tử, logistics, cảng biển và thương mại quốc tế. Trong đó, nhu cầu về nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng toán học, phân tích dữ liệu, mô hình hóa và tối ưu hóa quy trình sản xuất – kinh doanh là rất lớn.

Với vị thế là một cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, Trường Đại học Sao Đỏ có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học – công nghệ, kỹ thuật và quản lý công nghiệp, phục vụ trực tiếp cho sự phát triển của thành phố Hải Phòng và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. Việc mở ngành Toán ứng dụng tại Trường không chỉ đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương mà còn phù hợp với định hướng phát triển của Bộ Công Thương trong việc đào tạo đội ngũ chuyên gia có năng lực phân tích, dự báo và tối ưu hóa hoạt động sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh chuyển đổi số toàn ngành.

Hiện nay, nhiều trường đại học uy tín trong cả nước như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Giao thông Vận tải, Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Quốc tế – Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã triển khai đào tạo ngành Toán ứng dụng với định hướng kết hợp giữa toán học cơ bản, công nghệ thông tin và khoa học dữ liệu. Chương trình đào tạo của các trường này cho thấy xu hướng chung là chú trọng rèn luyện năng lực tư duy toán học, phân tích dữ liệu, lập trình và mô hình hóa thực tiễn – những kỹ năng then chốt trong thời đại kinh tế số. Việc Trường Đại học Sao Đỏ mở ngành Toán ứng dụng vừa kế thừa những kinh nghiệm đào tạo của các cơ sở tiên phong, vừa cụ thể hóa mục tiêu phát triển của Nhà trường theo hướng đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, tại khu vực Hải Phòng và vùng phụ cận, hiện chưa có nhiều cơ sở đào tạo đại học chuyên sâu về Toán ứng dụng gắn với lĩnh vực công nghiệp, kỹ thuật, phân tích dữ liệu và kinh tế số. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực có kiến thức toán học hiện đại, có khả năng vận dụng vào giải quyết các bài toán thực tiễn trong sản xuất và quản lý doanh nghiệp. Việc mở ngành Toán ứng dụng tại Trường Đại học Sao Đỏ sẽ góp phần bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực, đồng thời tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp, khu công nghiệp và các tổ chức nghiên cứu trên địa bàn Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh và các tỉnh lân cận.

Từ những căn cứ trên, có thể khẳng định rằng việc mở ngành Toán ứng dụng tại Trường Đại học Sao Đỏ – Thành phố Hải Phòng là cần thiết, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, với quy hoạch phát triển nhân lực của địa phương và đáp ứng yêu cầu của thời đại chuyển đổi số. Ngành học này sẽ góp phần đào tạo đội ngũ cử nhân có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tư duy khoa học, năng lực ứng dụng công nghệ và khả năng sáng tạo cao, phục vụ hiệu quả cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững của đất nước.

2.2. Đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực về Toán ứng dụng trong nước và địa phương

Trong bối cảnh đất nước đang triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045, và thực hiện Chiến lược chuyển đổi số quốc gia, định hướng đến năm 2030, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và kinh tế số tăng nhanh và mạnh mẽ. Trong đó, Toán ứng dụng giữ vai trò nền tảng, góp phần trực tiếp vào sự phát triển của các ngành khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo,

phân tích thống kê, tối ưu hóa quy trình sản xuất, tài chính định lượng, mô hình hóa kỹ thuật và công nghệ thông tin.

Theo Báo cáo “Nhân lực cho chuyển đổi số Việt Nam 2024” của Bộ Thông tin và Truyền thông, Việt Nam cần bổ sung khoảng 1,3 triệu nhân lực có năng lực phân tích dữ liệu, mô hình hóa toán học và vận dụng các công cụ tính toán hiện đại trong giai đoạn 2025–2030. Tuy nhiên, hiện nay, chỉ có khoảng 30–35% nhu cầu nhân lực trong nhóm này được đáp ứng từ các cơ sở giáo dục đại học.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ (2023) và Tổng cục Thống kê (2024), Việt Nam hiện có khoảng 350.000 việc làm/năm liên quan đến xử lý dữ liệu, phân tích định lượng và lập trình thuật toán, tuy nhiên nguồn nhân lực có nền tảng toán học ứng dụng mới chỉ đáp ứng được khoảng 30–40% nhu cầu. Tại khu vực miền Bắc, đặc biệt là các trung tâm công nghiệp và logistics như Hải Phòng, Quảng Ninh, Bắc Ninh, nhu cầu tuyển dụng nhân sự có khả năng tư duy phân tích, mô hình hóa, lập trình và tối ưu hóa quy trình sản xuất – kinh doanh đang tăng cao, đòi hỏi hệ thống giáo dục đại học phải nhanh chóng đáp ứng.

Thành phố Hải Phòng hiện là trung tâm công nghiệp, cảng biển và logistics lớn nhất miền Bắc, thu hút hàng trăm doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào các khu công nghiệp lớn như VSIP, Trảng Duệ, Nam Cầu Kiền, Deep C, Đình Vũ – Cát Hải. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của các lĩnh vực cơ khí chính xác, điện tử, sản xuất linh kiện, logistics và thương mại quốc tế, nhu cầu nhân lực có khả năng phân tích dữ liệu sản xuất, mô phỏng quy trình công nghiệp, tính toán tối ưu chi phí và lập trình mô hình vận hành thông minh trở nên cấp bách. Đây chính là những kỹ năng cốt lõi của ngành Toán ứng dụng.

Bên cạnh đó, theo Quy hoạch phát triển nhân lực vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, khu vực này cần trên 40.000 nhân lực có trình độ đại học và sau đại học trong các lĩnh vực công nghệ số, phân tích dữ liệu, thống kê và toán học ứng dụng. Trong khi đó, hiện nay số lượng cơ sở đào tạo chuyên sâu về Toán ứng dụng ở khu vực còn hạn chế, tập trung chủ yếu tại Hà Nội, chưa đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực cho các địa phương có tốc độ phát triển công nghiệp cao như Hải Phòng.

Để có cơ sở xây dựng chương trình đào tạo đại học ngành Toán ứng dụng, nhóm thực hiện đề án đã tiến hành khảo sát các nhà tuyển dụng là hiệu trưởng, hiệu phó các Trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và cán bộ quản lý

tại xã, phường, thành phố, các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp về nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành Toán ứng dụng.

Để đánh giá nhu cầu thực tế của TP Hải Phòng và một số tỉnh lân cận về nhu cầu nhân lực đối với ngành Toán ứng dụng. Nhóm xây dựng đề án đã tiến hành khảo sát 158 nhà tuyển dụng. Kết quả cho thấy có 90,5% ý kiến của nhà tuyển dụng cho rằng cần thiết mở ngành Toán ứng dụng. 89,6% nhà tuyển dụng được khảo sát cho rằng nhu cầu tuyển dụng trong tương lai ngành Toán ứng dụng sẽ tăng.

Nhà tuyển dụng đánh giá rất cao về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ của sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Toán ứng dụng cụ thể: nhà tuyển dụng đã đánh giá cao sự hiểu biết về khoa học xã hội và khoa học tự nhiên trong ngành Toán ứng dụng với mức độ rất cần thiết và cần thiết đều trên 90% và đặc biệt nhà tuyển dụng đánh giá cao mức độ cần thiết của kỹ năng quản lý chất lượng công việc, tinh thần học hỏi, thích nghi trong công việc (rất cần thiết chiếm trên 60%). Với các câu hỏi về những yêu cầu năng lực của người học tốt nghiệp ngành Toán ứng dụng hầu hết các nhà tuyển dụng đều đánh giá cao cử nhân Toán ứng dụng về các kỹ năng như: kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, thuyết trình, giải quyết vấn đề; năng lực công nghệ thông tin; có trách nhiệm với cộng đồng, xã hội; tinh thần kỷ luật và hội nhập quốc tế.

Thêm vào đó, các nhà tuyển dụng cũng đóng góp thêm đối với người tốt nghiệp cử nhân Toán ứng dụng cần phải đam mê với công việc, thường xuyên học hỏi nâng cao trình độ, kiên trì, nhiệt tình, yêu nghề.

Với kết quả như vậy, có thể thấy tiềm năng người học đối với ngành Toán ứng dụng là rất lớn, cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp là rất khả quan. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm được việc làm phù hợp với ngành đào tạo.

Thông qua khảo sát 168 cựu người học hiện đang giảng dạy và làm việc tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp về mức độ cần thiết năng lực của năng lực người học sau khi tốt nghiệp ngành đào tạo Toán ứng dụng. Kết quả cho thấy cựu sinh viên đánh giá rất cao về tinh thần cầu thị, đòi hỏi trong công việc (rất cần thiết 73,8% và cần thiết: 26,2%); hiểu biết về lĩnh vực Toán ứng dụng (rất cần thiết: 63,1% và cần thiết: 28%); hiểu biết về kỹ năng phản biện, sáng tạo, thuyết trình, giải quyết vấn đề (rất cần thiết: 72,6% và cần thiết: 21,4%).

Với các câu hỏi về những yêu cầu năng lực của người học tốt nghiệp ngành Toán ứng dụng hầu hết cựu sinh viên đều đánh giá cao cử nhân Toán ứng dụng phải có các kỹ năng như: Năng lực ngoại ngữ; năng lực công nghệ thông tin. Có trách nhiệm với xã hội và hội nhập quốc tế.

Với kết quả đó, việc Trường Đại học Sao Đỏ mở ngành Toán ứng dụng có ý nghĩa thiết thực và mang tính chiến lược. Với vị trí địa lý thuận lợi, cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực Toán học, Tin học, Phân tích dữ liệu và Khoa học máy tính, Nhà trường hoàn toàn có khả năng đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực Toán ứng dụng chất lượng cao cho khu vực. Sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia giảng dạy, nghiên cứu, làm việc tại các doanh nghiệp, ngân hàng, bảo hiểm, tổ chức tài chính, viện nghiên cứu, cơ quan thống kê, hoặc đảm nhận các vị trí phân tích, dự báo và ra quyết định dựa trên dữ liệu trong các cơ quan quản lý nhà nước.

Hơn nữa, trong xu thế hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0, nguồn nhân lực được đào tạo về Toán ứng dụng có lợi thế vượt trội trong việc thích ứng với môi trường làm việc hiện đại, nắm bắt công nghệ mới và tham gia các dự án quốc tế. Việc đào tạo ngành Toán ứng dụng tại Trường Đại học Sao Đỏ – Thành phố Hải Phòng không chỉ đáp ứng nhu cầu nhân lực của địa phương và khu vực mà còn góp phần thực hiện chủ trương của Chính phủ và Bộ Công Thương về phát triển nhân lực chất lượng cao phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Như vậy, việc mở ngành Toán ứng dụng tại Trường Đại học Sao Đỏ – Thành phố Hải Phòng là cần thiết, phù hợp và kịp thời, góp phần đào tạo đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn vững vàng, năng lực ứng dụng toán học trong thực tiễn, khả năng sáng tạo và thích ứng cao, phục vụ hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng nói riêng và của cả nước nói chung.

2.3. Sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ

Thực hiện Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020 và Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ, Nhà trường có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học theo quy định của pháp luật; thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (NCKH & CGCN) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; hợp tác quốc tế, sản xuất, kinh doanh và

dịch vụ theo quy định nhằm gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo – nghiên cứu – ứng dụng.

Trong suốt quá trình phát triển, Trường Đại học Sao Đỏ luôn thực hiện tốt sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là đáp ứng yêu cầu nhân lực kỹ thuật – công nghệ cho các tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng và thành phố Hải Phòng, trung tâm công nghiệp – cảng biển lớn của miền Bắc. Nhà trường luôn bám sát định hướng phát triển của Bộ Công Thương, của địa phương và của ngành giáo dục đại học, không ngừng đổi mới nội dung, phương pháp, mô hình đào tạo theo hướng đại học ứng dụng, hội nhập và hiện đại hóa.

Với chức năng và nhiệm vụ được giao, Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Sao Đỏ giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó tập trung vào các định hướng chủ đạo:

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyển sinh, nâng cao quy mô và chất lượng người học;
- Đẩy mạnh liên kết đào tạo với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, phòng thí nghiệm, trung tâm mô phỏng hiện đại;
- Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất;
- Thực hiện mạnh mẽ việc chuyển đổi số và ứng dụng AI trong đào tạo nguồn nhân lực.
- Xây dựng đội ngũ giảng viên đạt chuẩn quốc gia và quốc tế;
- Nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp ngày càng cao.

Trên cơ sở đó, việc mở ngành Toán ứng dụng tại Trường Đại học Sao Đỏ là phù hợp hoàn toàn với định hướng phát triển, chức năng, nhiệm vụ và sứ mệnh của Nhà trường. Ngành học này không chỉ góp phần đa dạng hóa lĩnh vực đào tạo của Trường mà còn tăng cường tính liên ngành giữa khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, kỹ thuật và kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của Bộ Công Thương và địa phương.

Bên cạnh đó, Toán ứng dụng là ngành học có tính thực tiễn và ứng dụng cao, phù hợp với định hướng phát triển của Trường Đại học Sao Đỏ theo mô hình đại học ứng dụng, gắn đào tạo với nghiên cứu và sản xuất. Việc mở ngành này sẽ giúp Nhà trường tăng cường năng lực nghiên cứu, mô hình hóa, phân tích

dữ liệu và tối ưu hóa quy trình trong công nghiệp và quản lý, từ đó đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khu vực.

Hiện nay, Trường Đại học Sao Đỏ đang thực hiện chiến lược hiện đại hóa và quốc tế hóa hoạt động đào tạo. Việc mở ngành Toán ứng dụng sẽ mở ra cơ hội hợp tác, trao đổi học thuật và nghiên cứu với các trường đại học trong và ngoài nước, góp phần khẳng định uy tín và vị thế của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Đồng thời, đây cũng là bước đi quan trọng giúp Nhà trường thực hiện sứ mệnh trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, góp phần cung cấp nguồn nhân lực toán học ứng dụng chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số.

Như vậy, việc mở ngành Toán ứng dụng tại Trường Đại học Sao Đỏ – Thành phố Hải Phòng là hết sức cần thiết, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và yêu cầu phát triển nhân lực của Bộ Công Thương, của địa phương và của đất nước. Ngành học này sẽ mang lại ý nghĩa chiến lược và giá trị bền vững, khẳng định vai trò của Trường Đại học Sao Đỏ là cơ sở giáo dục đại học năng động, đổi mới, gắn kết đào tạo với thực tiễn, vì sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TOÁN ỨNG DỤNG

Trường Đại học Sao Đỏ đã tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT ngành Toán ứng dụng, đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành theo quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Chương trình đào tạo gồm 130 TC (chưa bao gồm khối lượng kiến thức giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất) và đảm bảo đầy đủ các điều kiện tổ chức quá trình đào tạo, cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

3.1. Căn cứ pháp lý xây dựng CTĐT

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học;

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp;
- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ;
- Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ GD&ĐT về việc quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

3.2. Chương trình đào tạo tham khảo

CTĐT ngành Toán ứng dụng có tham khảo, đối sánh với CTĐT của 03 trường đại học trong nước và 02 trường đại học quốc tế.

[1]. Trường Đại học Sư phạm 2, Việt Nam (2025), Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán ứng dụng.

[2]. Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam (2025), Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán ứng dụng.

[3]. Trường Đại học Quy Nhơn, Việt Nam (2025), Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Toán ứng dụng.

[4]. Université de Rennes, (2025), Applied Mathematics.

[5]. University of Colorado at Boulder, (2024), Applied Mathematics.

3.3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Toán ứng dụng
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)
Ngành đào tạo : Toán ứng dụng
 (Applied Mathematics)
Mã ngành : 7460112
Hình thức đào tạo : Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số 377/QĐ-ĐHSD ngày 05 tháng 8 năm 2025
của Trường Đại học Sao Đỏ)*

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Toán ứng dụng nhằm hình thành ở người học phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; trang bị kiến thức chuyên môn vững vàng về toán học hiện đại cùng nền tảng khoa học kỹ thuật, công nghệ và giáo dục; rèn luyện năng lực tư duy logic, phân tích, mô hình hóa, vận dụng, thiết kế và sáng tạo công nghệ. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực Toán học và Toán ứng dụng; vận dụng toán học và tin học để giải quyết các bài toán thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu và kinh tế số nhằm xử lý, khai thác, dự báo và tối ưu hóa hoạt động trong các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có nhu cầu ứng dụng toán học. Chương trình hướng đến đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn sâu, kỹ năng thực hành tốt, tư duy sáng tạo và khả năng hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh; hiểu được vai trò của các lĩnh vực này trong bối cảnh phát triển hiện đại, nhằm vận dụng hiệu quả vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong nghề nghiệp và đời sống, đáp ứng yêu cầu của

chuyển đổi số và hội nhập.

1.2.1.1b. Có kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn, tin học và ngoại ngữ, làm cơ sở tiếp thu kiến thức chuyên môn, học tập suốt đời và nâng cao trình độ trong lĩnh vực toán học ứng dụng.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về đại số, giải tích, xác suất thống kê, cơ sở dữ liệu và lập trình để tiếp cận và vận dụng hiệu quả trong các lĩnh vực ứng dụng. Có kiến thức chuyên sâu về tối ưu hóa, mô hình toán trong kinh tế để vận dụng trong công việc liên quan.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về ứng dụng toán học trong lập trình, xử lý số liệu thống kê, mô hình hóa, tối ưu hóa trong kinh tế để phân tích số liệu, giải quyết các bài toán kinh tế và vận dụng kiến thức chuyên để giải quyết các vấn đề mới đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

1.2.1.2c. Có kiến thức cơ bản về tổ chức công việc và điều hành các hoạt động trong lĩnh vực ứng dụng của ngành.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng nghề nghiệp trong thu thập và phân tích dữ liệu, xây dựng thuật toán và thực hiện tính toán.

1.2.2.2. Có năng lực tư duy logic, phân tích, tổng hợp, đánh giá, sáng tạo và dẫn dắt chuyên môn để giải quyết các vấn đề thực tế trong ngành Toán ứng dụng; có năng lực tự học và khả năng học tập suốt đời để tiếp cận các vấn đề mới liên quan đến ngành học.

1.2.2.3. Sử dụng được ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc) để nghiên cứu tài liệu chuyên môn, giao tiếp, làm việc với chuyên gia và đối tác quốc tế trong môi trường hội nhập.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực tổ chức, hướng dẫn, giám sát và hỗ trợ đồng nghiệp khi triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

1.2.4. Vị trí làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân Toán học; có đủ năng lực đảm nhận được công việc ở các vị trí như:

- Làm các công việc liên quan đến nghiên cứu và phát triển, chuyên viên phát triển phần mềm, phân tích thiết kế hệ thống...trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, tài chính và bảo hiểm.

- Làm chuyên viên phân tích, ứng dụng Toán học và công nghệ thông tin trong các ngân hàng, kinh tế, các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp....

- Làm cán bộ nghiên cứu và ứng dụng Toán ở các viện, trung tâm nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng.

- Khi tích lũy thêm các tín chỉ về giáo dục, có thể làm công tác giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và trung học phổ thông.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu và vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để rèn luyện phẩm chất, đạo đức và giải quyết các vấn đề xã hội trong học tập và môi trường nghề nghiệp.

2.1.2. Vận dụng hiệu quả kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức chuyên môn, thực hiện nghiên cứu khoa học và phát triển trình độ chuyên môn trong lĩnh vực toán học ứng dụng.

2.1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông trong học tập, xử lý công việc chuyên môn và thích nghi với môi trường làm việc hiện đại; đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số.

2.1.4. Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, ngành về giải tích hàm, giải tích phức, phương trình vi phân, lý thuyết độ đo và tích phân, kiến thức cơ bản về Đại số và mô hình toán để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến toán học ứng dụng.

2.1.5. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về xác suất, lý thuyết thống kê, mô hình toán học, toán tài chính, cơ sở dữ liệu, các ngôn ngữ lập trình trong phân tích và ứng dụng toán học để giải quyết các yêu cầu thực tế của công việc liên quan.

2.1.6. Phân tích và đánh giá phân tích và đánh giá được số liệu, mô hình toán học ứng dụng để đề xuất phương án tối ưu trong công việc liên quan đến ngành.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Mô hình hóa, xây dựng được thuật toán từ các vấn đề đặt ra của thực tế trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, kinh tế và đời sống.

2.2.2. Thu thập được số liệu, xử lý thống kê được số liệu và phân tích đánh giá số liệu từ đó đưa ra được kết luận đúng với số liệu đã thu được.

2.2.3. Sử dụng được các mô hình toán học, công cụ phần mềm để nghiên cứu giải quyết những bài toán, vấn đề phát sinh từ thực tế từ đó đưa ra các dự báo và phương án tối ưu hóa hoạt động trong các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước có nhu cầu ứng dụng toán học

2.2.4. Trình bày rõ ràng và thuyết phục các vấn đề đã phân tích, đánh giá, dự báo và các mô hình đã thiết lập từ số liệu thu được trong thực tế trong các lĩnh vực ứng dụng.

2.2.5. Sử dụng các phần mềm toán học (Matlab, Maple,...), phần mềm thống kê (R, Python,...) để giải quyết vấn đề tính toán số, xử lý số liệu thống kê. Đánh giá được hiệu quả và mức độ đáp ứng yêu cầu thực tế của các công cụ sử dụng.

2.2.6. Sử dụng được một ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc) đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (hoặc tương đương quốc tế) để phục vụ giao tiếp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật và hội nhập nghề nghiệp trong môi trường đa văn hóa.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe và thái độ học tập tích cực; nhận thức được vai trò của học tập suốt đời; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, có trách nhiệm nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng trong môi trường chuyên môn linh hoạt và biến đổi.

2.3.2. Có năng lực tổ chức, hướng dẫn tổ chức và giám sát đồng nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Chủ động, sáng tạo, tích cực tích lũy kinh nghiệm trong công việc.

2.3.3. Tự định hướng nghề nghiệp, hình thành quan điểm cá nhân; đưa ra kết luận, lập luận và bảo vệ chính kiến trong quá trình xử lý tình huống chuyên môn thực tế.

2.3.4. Có khả năng lập kế hoạch, điều phối và quản lý hiệu quả các nguồn lực; đánh giá và cải tiến hoạt động chuyên môn.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO THEO KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN TOÀN KHÓA:

4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 141 tín chỉ (bao gồm cả Giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Học sinh tốt nghiệp THPT.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo TC, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	43	29	14
8.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1.	CTRI 004	Triết học Mác – Lênin <i>Marxist - Leninist Philosophy</i>	3	3	0
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economy</i>	2	2	0
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	2	0
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	2	0
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	2	0
8.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	4	4	0
6.	KHXX 006	Pháp luật đại cương <i>Introduction to law</i>	2	2	0
7.	LUAT 041	Logic học đại cương <i>General Logic</i>	2	2	0
8.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)	8	8	0
8.1.3.1		Tiếng Anh	8	8	0
8.	TANH 051	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>	2	2	0
9.	TANH 052	Tiếng Anh 2	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
		<i>English 2</i>			
10.	TANH 053	Tiếng Anh 3 <i>English 3</i>	3	3	0
8.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	8	8	0
11.	TTRUNG 022	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese 1</i>	2	2	0
12.	TTRUNG 023	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chinese 2</i>	3	3	0
13.	TTRUNG 024	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chinese 3</i>	3	3	0
8.1.4		Khoa học tự nhiên - Tin học	6	4	2
14.	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số <i>Basic informatics and digital transformation</i>	4	2	2
15.	VLUD 009	Vật lý và ứng dụng <i>Applied Physics</i>	2	2	0
8.1.5		Kỹ năng mềm	3	2	1
16.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm <i>Communication and teamword skills</i>	3	2	1
8.1.6		Giáo dục thể chất (chọn 3 trong 5 nội dung)	3	0	3
17.	GDTC 001	Bóng chuyền hơi <i>Soft volleyball</i>	1	0	1
18.	GDTC 002	Bóng đá <i>Football</i>	1	0	1
19.	GDTC 006	Cầu lông <i>Badminton</i>	1	0	1
20.	GDTC 007	Khiêu vũ thể thao <i>Dancesport</i>	1	0	1
21.	GDTC 008	Pickleball <i>Pickleball</i>	1	0	1
8.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	0	8
22.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>	8	0	8
8.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	98	67	31
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	31	30	1
23.	TUD 001	Đại số đại cương <i>Basic Algebra</i>	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
24.	TOAN 022	Đại số tuyến tính 1 <i>Linear Algebra 1</i>	2	2	0
25.	TOAN 023	Đại số tuyến tính 2 <i>Linear Algebra 2</i>	2	2	0
26.	TOAN 024	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>	3	3	0
27.	TOAN 025	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>	3	3	0
28.	TUD 002	Giải tích 3 <i>Calculus 3</i>	3	3	0
29.	TUD 003	Không gian Tô pô-Độ đo-Tích phân <i>Topology - Measure - Integration</i>	3	3	0
30.	TOAN 008	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>	3	3	0
31.	TOAN 009	Quy hoạch tuyến tính <i>Linear programming</i>	2	2	0
32.	TUD 021	Hình học vi phân <i>Differential geometry</i>	2	2	0
33.	CNTT 008	Toán rời rạc <i>Discrete Mathematics</i>	2	2	0
34.	CNTT 039	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>	3	2	1
8.2.2		Kiến thức ngành	52	37	15
8.2.2.1		Phần bắt buộc	46	32	14
35.	TUD 005	Giải tích hàm <i>Function Analysis</i>	3	3	0
36.	TOAN 020	Phương pháp tính <i>Numerical Methods</i>	2	2	0
37.	TUD 006	Phương trình vi phân <i>Differential equation</i>	3	3	0
38.	TUD 007	Đại số sơ cấp <i>Elementary Algebra</i>	3	3	0
39.	TUD 018	Lập trình R <i>R programming</i>	3	2	1
40.	TUD 008	Quá trình ngẫu nhiên <i>Random process</i>	3	2	1
41.	TANH 066	Tiếng Anh chuyên ngành Toán <i>English for Mathematics.</i>	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
42.	TUD 009	Chuyên đề Power BI <i>Power BI Topic</i>	2	0	2
43.	TUD 010	Xử lý số liệu thống kê <i>Processing statistical data</i>	2	1	1
44.	TUD 011	Toán tài chính <i>Financial mathematics</i>	2	2	0
45.	TUD 012	Mô hình toán kinh tế <i>Economic mathematical model</i>	2	0	2
46.	CNTT 016	Lập trình Python <i>Python Programming</i>	3	2	1
47.	TUD 013	Logic toán <i>Mathematical logic</i>	3	3	0
48.	TUD 014	Tối ưu hóa <i>Optimization</i>	3	3	0
49.	TUD 015	Số học thuật toán <i>Algorithmic number theory</i>	2	1	1
50.	CNTT 020	Ngôn ngữ SQL <i>SQL language</i>	3	2	1
51.	TUD 021	Thực tập chuyên ngành <i>Internship in the major</i>	4	0	4
8.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn	6	5	1
		Tự chọn chuyên ngành: (chọn 1 trong 3 học phần sau)			
52.	TUD 016	Phương trình đạo hàm riêng <i>Partial differential equation</i>	3	3	0
53.	TOAN 026	Hàm biến phức <i>Complex function</i>	3	3	0
54.	TUD 017	Lý thuyết ổn định hệ phương trình vi phân <i>Theory of stability for systems of differential equations</i>	3	3	0
		Tự chọn nghiệp vụ: (chọn 1 trong 4 học phần sau)	3	2	1
55.	TUD 004	Giải tích phức <i>Complex analysis</i>	3	2	1
56.	DTVT 106	Lập trình Matlab <i>Matlab programming</i>	3	2	1
57.	TUD 019	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học <i>The application of information technology in teaching</i>	3	2	1

STT	Mã học phần	Học phần	Số TC		
			Tổng	LT	TH
58.	TUD 020	Phân tích tài chính <i>Financial analysis</i>	3	2	1
8.2.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	15	0	15
8.2.3.1		Thực tập			
59	TUD 401	Thực tập tốt nghiệp Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>	7	0	7
8.2.3.2		Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau)	8	0	8
60	TUD 402	Tối ưu và ứng dụng <i>Optimization and application</i>	4	0	4
61	TUD 403	Xác suất – Thống kê và ứng dụng <i>Probability – Statistics and Applications</i>	4	0	4
		TỔNG	141	96	45

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin <i>Marxist - Leninist Philosophy</i>	2								3				3		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economy</i>	2								3				3		4	
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2								3				3		4	
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2								3				3		4	
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2								3				3		4	
6.	KHXX 006	Pháp luật đại cương <i>Introduction to law</i>	2								3				3		4	
7.	KHXX 007	Logic học đại cương <i>General Logic</i>		2							3				3			4
8.	TANH 051	Tiếng Anh 1 <i>English 1</i>		2							3				3		4	
9.	TANH 052	Tiếng Anh 2 <i>English 2</i>		2										3	3			
10.	TANH 053	Tiếng Anh 3 <i>English 3</i>		3										3	3			
11.	TTRUNG022	Tiếng Trung Quốc 1 <i>Chinese 1</i>		3										3	3			
12.	TTRUNG023	Tiếng Trung Quốc 2 <i>Chinese 2</i>		2										3	3			
13.	TTRUNG024	Tiếng Trung Quốc 3 <i>Chinese 3</i>		2										3	3			
14.	TINCB 006	Tin học cơ bản và chuyển đổi số		3										3	3			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		<i>Basic informatics and digital transformation</i>																
15.	VLÝ 009	Vật lý và ứng dụng <i>Applied Physics</i>			3				4				3		3	3		
16.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm <i>Communication and teamwork skills</i>		2					3		3				3		4	
17.	GDTC 001	Bóng chuyền hơi <i>Soft volleyball</i>	2								3				3			
18.	GDTC 002	Bóng đá <i>Football</i>	2								4				3		4	
19.	GDTC 006	Cầu lông <i>Badminton</i>				3							3		3			
20.	GDTC 004	Khiêu vũ thể thao <i>Dancesport</i>				3							3		3			
21.	GDTC 005	Pickleball <i>Pickleball</i>				3							3		3			
22.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh <i>National Defense and Security Education</i>				3		4			4	4			3		4	
23.	TUD001	Đại số đại cương <i>Basic Algebra</i>				3					3				3			
24.	TUD002	Đại số tuyến tính 1 <i>Linear Algebra 1</i>				3					3				3			
25.	TUD003	Đại số tuyến tính 2 <i>Linear Algebra 2</i>				3					3				3			
26.	TUD004	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>				3					3				3			
27.	TUD005	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>				3					3				3			
28.	TUD007	Giải tích 3 <i>Calculus</i>				3					3				3			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
29.	TUD008	Không gian Tô pô-Độ đo-Tích phân <i>Topology - Measure - Integration</i>				4					4				3			
30.	TOAN021	Xác suất và thống kê <i>Probability and Statistics</i>					4					4			3			
31.	TOAN009	Quy hoạch tuyến tính <i>Linear programming</i>					4				4		4		4			
32.	TUD010	Hình học vi phân <i>Differential geometry</i>					4	4	4	4			4		4		4	
33.	CNTT008	Toán rời rạc <i>Discrete Mathematics</i>				4					4		4		4	4		
34.	CNTT039	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật <i>Data Structures and Algorithms</i>			4				4				4		4		4	
35.	TUD013	Giải tích hàm <i>Function Analysis</i>					3				3		4		4			
36.	TUD014	Phương pháp tính <i>Numerical Methods</i>					4	4	4	4			4		4		4	
37.	TUD015	Phương trình vi phân <i>Differential equation</i>					4				4		4		4			
38.	TUD016	Đại số sơ cấp <i>Elementary Algebra</i>					4				4		4		4			
39.	TUD017	Lập trình R <i>R programming</i>					4	4	4	4	4		4		4		4	
40.	TUD018	Quá trình ngẫu nhiên <i>Random process</i>					4				4		4		4			
41.	TUD019	Tiếng Anh chuyên ngành Toán <i>English for Mathematics.</i>					4				4		4		4			
42.	TUD020	Chuyên đề Power BI <i>Power BI Topic</i>					4				4		4		4			
43.	TUD021	Xử lý số liệu thống kê <i>Processing statistical data</i>					4				4		4		4			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
44.	TUD022	Toán tài chính <i>Financial mathematics</i>					4				4		4		4			
45.	TUD023	Mô hình toán kinh tế <i>Economic mathematical model</i>					4	4			4		4		4		4	
46.	TUD024	Lập trình Python <i>Python Programming</i>			4	5		5	5						5		5	
47.	TUD025	Logic toán <i>Mathematical logic</i>					4				4		4		4			
48.	TUD026	Tối ưu hóa <i>Optimization</i>					4				4		4		4			
49.	TUD027	Số học thuật toán <i>Algorithmic number theory</i>					4				4		4		4			
50.	TUD028	Ngôn ngữ SQL <i>SQL language</i>					4				4		4		4		4	
51.	TUD029	Thực tập chuyên ngành <i>Internship in the major</i>					4	4			4		4		4			
52.	TUD030	Phương trình đạo hàm riêng <i>Partial differential equation</i>				4	4	4		4	4		4		4		4	4
53.	TUD031	Hàm biến phức <i>Complex function</i>				4	4	4	4	4		4	4		4		4	5
54.	TUD032	Lý thuyết ổn định hệ phương trình vi phân <i>Theory of stability for systems of differential equations</i>				4	4	4	4		4		4	4	4		4	4
55.	TUD033	Giải tích phức <i>Complex analysis</i>					4	5		5	4		4	4	4		4	
56.	TUD034	Lập trình Matlab <i>Matlab programming</i>					4	5		5	4		4	4	4		4	
57.	TUD035	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học						5	4			5	4	4	4	4	4	4

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
		<i>The application of information technology in teaching</i>																
58.	TUD036	Phân tích tài chính <i>Financial analysis</i>						5	4			5	4	4	4	4	4	5
59.	TUD 401	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation internship</i>						5	4			5	4	4	4	4	4	4
60.	TUD037	Tối ưu và ứng dụng <i>Optimization and application</i>						5	4			5	4	4	4	4	4	5
61.	TUD038	Xác suất – Thống kê và ứng dụng <i>Probability – Statistics and Applications</i>						5	4			5	4	4	4	4	4	4

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Triết học M.Lênin CTRI 004 (3,3,0)	TA 1/T.TQ1/TANH 051/TTRUNG 022 (2,2,0)	TA 2/T.TQ2 TANH 052/TTRUNG 023 (3,3,0)	TA 3/T.TQ3 TANH 053/TTRUNG 024 (3,3,0)	TA CN toán TANH066 (3,3,0)	Quá trình ngẫu nhiên TUD008 (3,2,1)	Mô hình toán kinh tế TUD012 (2,0,2)	
Kinh tế chính trị Mác - Lênin CTRI 002 (2,2,0)	Pháp luật đại cương KHXX 006 (2,2,0)	Đại số đại cương TUD001 (3,3,0)	Vật lý ứng dụng VLUD (2,2,0)	Quy hoạch tuyến tính TOAN009 (3,3,0)	Tư chọn (CN) TUD016/TUD026/TU D017 (3,3,0)	Toán tài chính TUD011 (2,2,0)	
Giáo dục thể chất GDTC 006 (1,0,1)	Giáo dục thể chất GDTC 006 (1,0,1)	Giáo dục thể chất GDTC 006 (1,0,1)	Logic học đại cương LUAT041 (2,2,0)	Chuyên đề Power BI TUD009 (2,0,2)	Ngôn ngữ SQL CNTT020 (3,2,1)	Tối ưu hóa TUD014 (3,3,0)	Thực tập tốt nghiệp (TUD401) (7,0,7)
Giáo dục QP và AN GDQP (4TC)	Giáo dục QP và AN GDQP (4TC)	Tư tưởng HCM CTRI005 (2,2,0)	Toán rời rạc CNTT008 (2,2,0)				
			Logic Toán TUD013 (2,2,0)	Giải tích hàm TUD005 (3,3,0)	Số học thuật toán TUD015 (2,2,0)	Lập trình R TUD018 (3,2,1)	
KNGT KNM 005 (3,2,1)	Tin học CB và chuyển đổi số TINCB006 (4,2,2)	Xác suất và thống kê TUD008 (3,3,0)	LSĐCSVN CTRI 003 (2,2,0)	Lập trình Python CNTT016 (3,2,1)	Hình học vi phân TUD021 (2,2,0)	Phương trình vi phân 006 (3,3,0)	KLTN/TTKLTN (TUD402/TUD403) (8,0,8)
CNXHKH CTRI 001 (2,2,0)	Đại số tuyến tính 1 TUD022 (2,2,0)	Đại số tuyến tính 2 TUD 023 (3,3,0)	KGTP-Đ-TP TUD003 (3,3,0)	Phương pháp tính TOAN020 (2,2,0)		Xử lý số liệu thống kê TUD010 (2.1.1)	
					Thực tập chuyên ngành TUD021 (4,0,4)		
Giải tích 1 TUD024 (3.3.0)	Giải tích 2 TUD025 (3.3.0)	Giải tích 3 TUD002 (3,3,0)	Cấu trúc DL và giải thuật CNTT039 (3,2,1)	Đại số sơ cấp TUD007 (3,3,0)		TC NV TUD004/DTVT106/ TUD019/TUD020 (3,2,1)	
HK1:18 TC	HK2: 18 TC	HK3:18 TC	HK4:19TC	HK5: 18 TC	HK6: 17 TC	HK7: 18 TC	HK8: 15 TC

3.4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Trên cơ sở số học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành Toán ứng dụng, xây dựng kế hoạch đào tạo của khóa học, tiến độ năm học và triển khai tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục đại học.

Sinh viên nhận kế hoạch đào tạo toàn khóa từ Phòng Đào tạo và tuyển sinh của Trường, trong đó có ghi rõ các học phần phải học cho từng học kỳ của khóa học. Mỗi năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp, ngoài các học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức một học kỳ phụ vào thời gian nghỉ hè để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần lên lớp. Trước mỗi kỳ học, sinh viên được cố vấn học tập, Bộ môn và Khoa quản lý ngành học tư vấn. Kế hoạch học tập là cơ sở để sinh viên đăng ký các học phần trong mỗi học kỳ trên hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất 01 tháng, Nhà trường thông báo lịch học trong sổ tay sinh viên và trên trang học vụ sinh viên (daotao.saodo.edu.vn). Giáo viên chủ nhiệm (GVCN)/ cố vấn học tập (CVHT) hướng dẫn, kiểm tra việc sinh viên đăng ký học tập, đảm bảo sinh viên đăng ký đúng, đủ học phần theo quy định.

Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc và tích lũy điểm học phần

Kỳ thi kết thúc học phần sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường đại học Sao Đỏ. Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần. Trung bình cộng các điểm có trọng số 20%. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được giảng viên phụ trách học phần nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo và điểm được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây (Bảng 3):

Bảng 3. Cách quy đổi điểm học phần

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 - 10,0	A+	4,0
8,5 - 8,9	A	3,7
8,0 - 8,4	B+	3,5

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

- *Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:*

+ Sinh viên phải học hết chương trình giáo dục trình độ đại học ngành Toán ứng dụng, phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong CTĐT đại học, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên. Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp.

Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường. Sinh viên chỉ được nhận bằng tốt nghiệp khi thi khảo sát đạt yêu cầu về ngoại ngữ, tin học hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học tương đương trở lên theo yêu cầu chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học của CTĐT (theo quy định ôn tập, kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ, tin học theo chuẩn đầu ra của CTĐT trình độ đại học tại Trường Đại học Sao Đỏ).

Khi tốt nghiệp chương trình này, học viên sẽ được cấp bằng đại học chính quy. Trong Bằng hoặc/và Bảng điểm có thể ghi tên ngành, chuyên ngành đào tạo.

3.5. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.5.1. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo

Căn cứ Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Sao Đỏ.

Thông tin tuyển sinh của ngành như sau:

- Ngành đào tạo: Toán ứng dụng

- Mã ngành: 7460112
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Mã trường tuyển sinh: SDU
- Tổ hợp môn xét tuyển sinh:
 - A00 – Toán, Vật lý, Hóa học
 - A01 – Toán, Vật lý, Tiếng Anh
 - D01 – Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh
 - D07 – Toán, Hóa học, Tiếng Anh
 - D90 – Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh
 - A19 – Toán, Vật lý, Giáo dục công
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 TC (bao gồm cả Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất).
- Thời gian đào tạo: 4 năm.

3.5.2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Trường Đại học Sao Đỏ cam kết đảm bảo chất lượng thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong NCKH và CGCN; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho SV khi tốt nghiệp ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi. Trường Đại học Sao Đỏ cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Nhà trường được quy trình hóa, số hóa và được giám sát, đánh giá thường xuyên.

Nhà trường có bộ phận ĐBCL chuyên trách, hằng năm xây dựng kế hoạch ĐBCL tập trung vào hai hoạt động chính đó là khảo thí và ĐBCL. Năm 2017 Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá và được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2023 Nhà trường đã thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (chu kỳ 2) theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã có 09 CTĐT trình độ đại học được trung tâm KĐCLGD thuộc hiệp hội các trường ĐH, cao đẳng Việt Nam cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành gồm: CNKT cơ khí; CNKT điện, điện tử; CNKT ô tô; CNTT; KTĐK&TĐH; Quản trị kinh doanh; Ngôn ngữ Trung Quốc, Kế toán và Công nghệ dệt, may.

Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập:

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với lớp học phân thông qua hệ thống khảo sát của Nhà trường. Thời điểm lấy ý kiến người học được thực hiện sau khi kết thúc học phần, khóa học. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học bao gồm: Nội dung, mức độ và được thông báo tới các phòng chức năng, trưởng khoa, trưởng bộ môn và GV.

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

4.1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học tham gia thực hiện CTĐT

Khoa Luật và Giáo dục đại cương được giao nhiệm vụ chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo ngành Toán ứng dụng, trình độ đại học. Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành Toán ứng dụng có 47 GV trong đó có 12 tiến sĩ, 35 thạc sĩ (Bảng 4.1). Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT ngành Toán ứng dụng, trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, có thâm niên giảng dạy và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của BGDDĐT theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDDĐT ngày 18/01/2022.

1Bảng 4.1. Danh sách GV, nhà khoa học tham gia giảng dạy các HP thuộc CTĐT ngành Toán ứng dụng

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
1.	Nguyễn Việt Tuấn 23/08/1983		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Toán giải tích	2007	
2.	Nguyễn Thị Tuyền 14/11/1990		Tiến sĩ, Pháp, 2016	Toán ứng dụng		2025
3.	Nguyễn Kiều Hiên 15/07/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Giải tích	2008	
4.	Nguyễn Thị Hồng 17/10/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Toán học	2008	
5.	Nguyễn Thị Huệ 27/02/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Lí thuyết xác suất và thống kê toán	2008	
6.	Nguyễn Thị Diệp Huyền, 29/06/79		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Toán Giải tích	2006	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
7.	Quách Thị Yến 15/09/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Toán Ứng dụng	2010	
8.	Nguyễn Thị Hải Đường, 28/10/1984		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Toán Giải tích	2010	
9.	Trương Thị Hải Duyên 24/11/2000		Thạc sĩ, Việt Nam, 2025	Đại số và lý thuyết số	2024	
10.	Nguyễn Văn Toán, 28/10/1984		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Toán Giải tích	2009	
11.	Nguyễn Văn Tuyên 13/3/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Vật lý chất rắn	2005	
12.	Trương Thị Luyến 10/09/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quang học	2008	
13.	Nguyễn Thị Kim Nguyên 02/07/1975		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Kinh tế chính trị	2005	
14.	Phạm Xuân Đức, 10/02/1980		Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Triết học	2004	
15.	Trần Thị Hồng Nhung, 21/6/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học	2007	
16.	Nguyễn Mạnh Tường, 12/11/1977		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Quản trị kinh doanh	2001	
17.	Phùng Thị Lý, 08/10/1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2007	
18.	Nguyễn Thị Hiền, 10/3/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học	2008	
19.	Nguyễn Thị Hải Hà, 07/11/1977		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lịch sử Đảng	2006	
20.	Đỗ Thị Thùy, 13/6/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	2009	
21.	Phạm Thị Mai, 20/02/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Luật học	2006	
22.	Hà Đình Soát, 17/05/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học giáo dục	2004	
23.	Vũ Tiến Hiếu, 19/11/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Giáo dục	2008	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
				thể chất		
24.	Nguyễn Văn Đức		Tiến sĩ Việt Nam, 2016	Tiến sĩ kỹ thuật		2024
25.	Nguyễn Thế Long		Tiến sĩ Nga, 2017	Tiến sĩ kỹ thuật		2025
26.	Hoàng Thị Ngát, 13/6/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	2008	
27.	Vũ Bảo Tạo, 17/3/1979		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	CNTT	2003	
28.	Phạm Thị Tâm, 10/02/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Khoa học máy tính	2010	
29.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết, 13/03/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Hệ thống thông tin	2007	
30.	Hoàng Thị An, 19/09/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Khoa học máy tính	2009	
31.	Nguyễn Thị Thủy, 26/11/1986		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Thương mại	2008	
32.	Hoàng Thị Hoa, 05/12/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	2009	
33.	Ngô Thị Luyện		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	2008	
34.	Nguyễn Thị Ngọc Mai,		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	2011	
35.	Trịnh Thị Chuyên, 05/6/1981		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2003	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
36.	Trần Thị Mai Hương, 04/02/1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	2009	
37.	Vũ Thị Lương, 01/01/1978		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2001	
38.	Trần Hoàng Yến, 01/02/1982		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2007	
39.	Tăng Thị Hồng Minh, 15/10 /1985		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh	2010	
40.	Phạm Thị Hồng Trang, 16/8/1990		Tiến sĩ, Trung Quốc, 2022	Ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng	2020	
41.	Bùi Thị Trang, 17/5/1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2010	
42.	Nguyễn Thị Xuyên, 16/11/1989		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2013	
43.	Nguyễn Thị Lan, 07/8/1980		Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Trung Quốc	2006	

STT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/ Hợp đồng trên 12 tháng, hợp đồng thỉnh giảng	
					Tuyển dụng	Hợp đồng
44.	Phạm Thị Hồng Hoa, 23/05/1977		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế quốc tế	2002	
45.	Phạm Văn Dự, 21/7/1984		Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Triết học	2008	
46.	Nguyễn Thị Nhan, 01/01/1987		Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2009	
47.	Vũ Văn Đông, 18/11/1982		Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Kinh tế chính trị	2006	

4.2. Các công trình khoa học của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học

- Các công trình đề tài

Bảng 4.2. Danh sách các công trình đề tài 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học²

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
1	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 15.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung và phương pháp dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên ĐHSD	ThS. Phạm Xuân Đức	193/QĐ-ĐHSD, 3/06/2020	04/7/2020	Đạt	1. Nguyễn Mạnh Tường 2. Trần Thị Hồng Nhung 3. Nguyễn Thị Hiền	
2	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 16.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Nghiên cứu các yếu tố tác động của hoạt động thể dục thể thao đối với sức khỏe cán bộ, giảng viên và sinh viên trường ĐHSD	ThS. Hà Đình Soát	193/QĐ-ĐHSD, 3/06/2020	15/7/2020	Đạt	1. Vũ Tiến Hiếu 2. Nguyễn Đức Thuận 3. Quán Thanh Tùng 4. Phạm Anh Dũng	
3	312/QĐ-ĐHSD, 30/8/2019 10.KHCN/19-20	Cấp cơ sở	Sử dụng phương pháp phân tích EFA và hồi quy đa biến phân tích các nhân tố ảnh hưởng quyết định chọn trường Đại học Sao Đỏ của sinh viên	Ths. Nguyễn Thị Hồng	193/QĐ-ĐHSD, 3/06/2020	12/7/2020	Đạt	1. Vũ Thị Hường 2. Nguyễn Thị Huệ 3. Nguyễn Thị Huế	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
4	Tỉnh QĐ số 128, 08/8/2022		Xây dựng, áp dụng bộ chỉ số KPI trong giao và đánh giá hiệu quả công việc tại các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương	TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên	Số 10/2021/TLHĐ	08/08/2022	Khá	1. Nguyễn Thị Nhan 2. Phùng Thị Lý 3. Phạm Văn Dư 4. Nguyễn Thị Thanh Bình 5. Nguyễn Viết Tuấn 6. Lê Thị Mai 7. Nguyễn Thị Thanh Nhà 8. Nguyễn Thanh Bình 9. Tạ Thúy Ngân	
5	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 10.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Văn hóa sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường ĐHSĐ	ThS. Nguyễn Mạnh Tường	199/QĐ-ĐHSD, 02/6/2021	24/9/2021	Đạt	1. Nguyễn Thị Hiền 2. Phạm Thị Mai	
6	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 11.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và áp dụng hoạt động ngoại khóa vào việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị tại trường ĐHSĐ	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	307/QĐ-ĐHSD, 16/8/2021	24/9/2021	Đạt	1. Nguyễn Thị Tình 2. Đỗ Thị Thùy 3. Đặng Thị Dung	
7	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 21.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao khả năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên trường ĐHSĐ	ThS. Đặng Thị Minh Phương	199/QĐ-ĐHSD, 02/6/2021	2/6/2021	Đạt	1. Trần Hoàng Yến 2. Tăng Thị Hồng Minh	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
8	483/QĐ-ĐHSD, 28/10/2020 22.KHCN/20-21	Cấp cơ sở	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trải nghiệm cho sinh viên ngành Việt Nam học, trường ĐHSD	ThS. Nguyễn Thị Hương Huyền	481/QĐ-ĐHSD, 6/12/2021	12/12/2021	Đạt	1. Nguyễn Thị Sao	
9	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 25.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Đa dạng hóa phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tại trường ĐHSD	TS. Phạm Thị Hồng Hoa	232/QĐ-ĐHSD, 31/5/2022	22/9/2021		1. Nguyễn Thị Tình 2. Đặng Thị Dung 3. Đỗ Thị Thùy	
10	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 26.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Xây dựng mô hình liên kết các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho sinh viên trường ĐHSD	ThS. Nguyễn Thị Hải Hà	327/QĐ-ĐHSD, 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	1. Phạm Xuân Đức 2. Nguyễn Thị Hiền 3. Phạm Thị Mai 4. Lê Thị Huyền	
11	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 27.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Thể dục thể thao của viên chức và sinh viên Trường ĐHSD	ThS. Nguyễn Đức Thuần	327/QĐ-ĐHSD, 30/6/2022	7/7/2022	Đạt	1. Nguyễn Mạnh Tường 2. Hà Đình Soát 3. Vũ Tiến Hiếu 4. Quán Thanh Tùng	
12	434/QĐ-ĐHSD, 28/10/2021 28.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Thành lập bản đồ tài nguyên du lịch khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch.	TS. Nguyễn Đăng Tiến	284/QĐ-ĐHSD, 24/06/2022	06/2022	Đạt	1. Nguyễn Thị Lan 2. Bùi Thị Trang	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
13	Số 434/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2021, 10.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Xây dựng dữ liệu, số hóa đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo	Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSD, ngày 20/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Hường	
14	Số 434/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2021, 11.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng thư viện số	Phạm Thị Hường	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. Phạm Văn Kiên	
15	Số 434/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2021, 12.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Hiệu chỉnh nâng cao chất lượng website các Khoa và Nhà trường	Phạm Văn Kiên	Số 248/QĐ-ĐHSD, ngày 20/6/2022	22/6/2022	Đạt	1. Phạm Thị Hường	
16	Số 434/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2021, 08.KHCN/21-22	cấp cơ sở	Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ viên chức và hỗ trợ đánh giá hiệu quả công việc của viên chức Trường Đại học Sao Đỏ	Vũ Bảo Tạo	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/06/2022	11/6/2022	Đạt	1. Vũ Bảo Tạo 2. Nguyễn Thị Thu 3. Nguyễn Phúc Hậu	
17	434/QĐ-ĐHSD 28/10/2021 13.KHCN/21-22	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ R xây dựng thuật toán để giải một số bài toán trong lĩnh vực	Nguyễn Thị Diệp Huyền	Số 266/QĐ-ĐHSD, ngày 21/06/2022	23/6/2022	Đạt	1. Nguyễn Thị Diệp Huyền 2. Nguyễn Văn Toán 3. Nguyễn Thị Hồng	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			kinh tế, kỹ thuật.						
18	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 10.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng các sản phẩm du lịch nông thôn phục vụ phát triển nông thôn mới của tỉnh Hải Dương.	TS. Nguyễn Đăng Tiến	271/QĐ-ĐHSD, 23/06/2023	25/06/2023	Đạt	1. Nguyễn Thị Lan 2. ThS.Bùi Thị Trang	
19	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 11.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Xây dựng kỹ năng nghiệp vụ hỗ trợ (kỹ năng tổ chức hoạt náo) cho sinh viên ngành du lịch ở trường ĐHSD	ThS. Nguyễn Thị Sao	271/QĐ-ĐHSD, 23/06/2023	25/6/2023	Đạt	1. Nguyễn Thị Hương Huyền 2. Nguyễn Thị Xuyên	
20	554/QĐ-ĐHSD, 28/10/2022 12.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Tính triết học trong ca dao, tục ngữ Việt Nam và vận dụng vào quá trình giảng dạy học phần Triết học - Mác Lênin tại trường ĐHSD	ThS. Phùng Thị Lý	222/QĐ-ĐHSD, 26/5/2023	6/7/2023	Đạt	1. Phạm Xuân Đức 2. Nguyễn Thị Hải Hà 3. Phạm Thị Mai	
21	594/QĐ-ĐHSD, 30/11/2022 51.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Vận dụng kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ	ThS. Nguyễn Thị Tình	222/QĐ-ĐHSD, 26/5/2023	5/30/2023	Đạt	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Đỗ Thị Thùy 3. Đặng Thị Dung	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
22	Số 554/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2022, 13.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý công trình khoa học trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Xuất sắc	1. Phạm Văn Kiên 2. Nguyễn Thị Bích Ngọc	
23	Số 594/QĐ-ĐHSD, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Tâm 3. Phạm Thị Hường 4. Hoàng Thị An	
24	Số 594/QĐ-ĐHSD, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu xây dựng IC3 trên hệ thống học trực tuyến E-learning của Trường ĐHSD	Ths. Vũ Bảo Tạo	Số 346/QĐ-ĐHSD, ngày 13/6/2023	16/6/2022	Đạt	1. Hoàng Thị Ngọc Diệp 2. Vũ Thị Ánh Tuyết	
25	Số 594/QĐ-ĐHSD, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của trường Đại học Sao Đỏ	Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Tâm 3. Phạm Thị Hường 4. Hoàng Thị An	
26	Số 594/QĐ-ĐHSD, ngày 30/11/2022, 50.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng phần mềm quản lý kiểm soát tiến độ thực hiện công việc theo thủ tục quy trình của trường	Phạm Thị Hường	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	08/6/2023	Đạt	1. Phạm Văn Kiên 2. Phạm Thị Tâm 3. Phạm Thị Hường 4. Hoàng Thị An	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			Đại học Sao Đỏ						
27	Số 554/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2022, 18.KHCN/22-23	Cấp cơ sở	Nghiên cứu phép biến đổi Fourier và Laplace, ứng dụng giải một số bài toán trong kỹ thuật.	Ths. Nguyễn Kiều Hiên	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	5/6/2023	Đạt	1. Nguyễn Thị Huệ 2. Nguyễn Phương Ty 3. Nguyễn Minh Loan	
28	Số 476/QĐ-ĐHSD, ngày 30/10/2023, 08.KHCN/23-24	Cấp cơ sở	Nghiên cứu tính ổn định và ổn định hóa của một lớp hệ Navier - Stokes trong cơ học chất lỏng	TS. Nguyễn Viết Tuấn	Số 222/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2023	5/6/2023	Đạt	1. Nguyễn Kiều Hiên	
29	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 06.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu ứng dụng tích chập suy rộng và phần mềm Matlab Simulink để tính toán các chỉ tiêu chất lượng hệ truyền động T-D.	Ths. Nguyễn Kiều Hiên	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2025	20/6/2025	Đạt	1. Vũ Hoàng Phương 2. Phạm Thị Thảo	
30	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 04.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng website hỗ trợ học vật lý lớp 10 cho học sinh trường THPT Nguyễn Thị Duệ	Ths. Phạm Văn Kiên	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Đạt	1. Hoàng Thị Ngọc Diệp 2. Hoàng Thị Ngát 3. Phạm Thị Tâm 4. Nguyễn Thị Bích	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
			hướng theo giáo dục STEM					Ngọc	
31	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 05.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng PLC S7 -1.200 giám sát, điều khiển phân loại sản phẩm qua webserver	Ths. Vũ Bảo Tạo	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2025	28/5/2025	Đạt	1. Nguyễn Thị Quyên	
32	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 15.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng anh căn bản cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ	Ths. Trần Thị Mai Hương	Số 232/QĐ-ĐHSD, ngày 26/5/2025	29/5/2025	Đạt	1. Đặng Thị Thanh 2. Tăng Thị Hồng Minh	
33	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 16.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ trong bối cảnh hiện nay	Ths. Nguyễn Thị Hiền	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	1. Nguyễn Mạnh Tường 2. Trần Thị Hồng Nhung	
34	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống tình huống áp dụng	TS. Phùng Thị Lý	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày	28/5/2025	Đạt	1. Phạm Thị Hồng Hoa 2. Nguyễn Thị Mai	

STT	Số QĐ, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ /Đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số QĐ, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài	Ghi chú
	28/10/2023, 17.KHCN/24-25		trong giảng dạy học phần kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay		19/5/2024				
35	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 18.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, vận dụng tư tưởng triết học trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác – Lênin cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay	Ths. Đỗ Thị Thùy	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	1. Phạm Xuân Đức 2. Nguyễn Thị Hải Hà	
36	Số 565/QĐ-ĐHSD, ngày 28/10/2023, 19.KHCN/24-25	Cấp cơ sở	Nghiên cứu, ứng dụng các bài tập bổ trợ nhằm nâng cao hiệu quả thi đấu cho đội bóng chuyền hơi nữ sinh viên trường Đại học Sao Đỏ.	Ths. Hà Đình Soát	Số 216/QĐ-ĐHSD, ngày 19/5/2024	28/5/2025	Đạt	1. Vũ Tiến Hiếu	

- Công trình là bài báo khoa học, sách tham khảo

Bảng 4.3. Danh sách các công trình bài báo, sách chuyên khảo 5 năm gần nhất của đội ngũ GV, nhà khoa học 3

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Nguyễn Viết Tuấn, (số 1, 2020), Nghiên cứu tính ổn định nghiệm của phương trình tích phân ngẫu nhiên, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (68). 2020, trang 87 - 91.	Bài báo
2.	Nguyễn Viết Tuấn, (số 4, 2020), Stabilization of the weak stationary solutions to 2D g - Navier - Stokes equations, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (71). 2020, trang 65 - 68.	Bài báo
3.	Nguyễn Viết Tuấn, (số 1, 2022), Sufficient optimality conditions for the optimal control problem of 2D g - Navier-Stokes equations, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (76). 2022, trang 51 - 56.	Bài báo
4.	Nguyễn Viết Tuấn, (số 3, 2023), Existence and nonexistence of solutions for a class of Hamiltonian strongly degenerate elliptic system, Commun. Korean Math. Soc. 38 (2023), No. 3, pp. 741–754.	Bài báo
5.	Nguyễn Thị Tuyền, (2019), A priori lipschitz regularity of solutions of second order, local and nonlocal Hamilton-Jacobi equations in non-periodic settings, Revista Matemática Iberoamericana 35 (5), 1415-1449, 2019	Bài báo
6.	Nguyễn Thị Tuyền, (2019), Large time behavior of solutions of local and nonlocal nondegenerate Hamilton-Jacobi equations with Ornstein-Uhlenbeck operator, Communications in Pure and Applied Analysis 18(3), 999-1021, 2019	Bài báo
7.	Nguyễn Thị Tuyền (2019), Long time behavior of unbounded solutions of first order Hamilton-Jacobi equations in $\mathbb{R}^N$, Asymptotic Analysis 112, 1-22, 2019	Bài báo
8.	Nguyễn Thị Tuyền (2023), Limits and consistency of nonlocal and graph approximations to the Eikonal equation, IMA Journal of Numerical Analysis 43(6), 3685-3728, 2023	Bài báo
9.	Nguyễn Kiều Hiên, (số 2, 2022), Tính chất phổ của hàm trong không gian và tập sinh bởi đa thức, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
10.	Nguyễn Kiều Hiên, (số 2, 2023), Bất đẳng thức tích chập của phép biến đổi Fourier cosine và Laplace với hàm trọng, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
11.	Nguyễn Kiều Hiên, (số 3, 2024), Tích chập của phép biến đổi Fourier và Laplace với hàm trọng trong không gian, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
12.	Nguyễn Kiều Hiền, (2024), Giải tích và ứng dụng, NXB Khoa học và Kỹ thuật	Sách
13.	Nguyễn Thị Hồng, (số 2, 2020), “Sử dụng tam giác hóa ma trận trong dự báo quá trình hữu hạn các quan sát MA(1), mở rộng cho dự báo quá trình Gauss”, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
14.	Nguyễn Thị Hồng, (số 2, 2021), “Ứng dụng mô hình EFA trong phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học Sao Đỏ của sinh viên”, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
15.	Nguyễn Thị Hồng, (2024), Giải tích và ứng dụng, NXB Khoa học và Kỹ thuật	Sách
16.	Nguyễn Thị Huệ, (số 2, 2020), A modified Homotopy analysis method for solving nonlinear Fredholm integral equations of the second kind, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, Số 2 (69) 2020, trang 55 – 59	Bài báo
17.	Nguyễn Thị Huệ, (số 3, 2020), Sự tồn tại, tính chất nghiệm của phương trình tích phân ngẫu nhiên tuyến tính dạng Fredholm và dạng Volterra, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, Số 3 (70) 2020	Bài báo
18.	Nguyễn Thị Huệ (số 3, 2021), Hiệu chỉnh nguyên lý cực đại Pontryagin trong bài toán điều khiển tối ưu, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, Số 3 (74) 2021	Bài báo
19.	Nguyễn Thị Huệ (số 4, 2023), Phương pháp hàm Green - Tìm hàm Green cho phương trình nhiệt bằng phép biến đổi Fourier – Laplace, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, Số 4(83) 2023	Bài báo
20.	Nguyễn Thị Huệ, (2024), Giải tích và ứng dụng, NXB Khoa học và kỹ thuật	Giáo trình
21.	Nguyễn Thị Diệp Huyền, (số 2, 2023), Sự không tồn tại nghiệm của phương trình elliptic nửa tuyến tính suy biến, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
22.	Nguyễn Thị Diệp Huyền, (số 2, 2025), Sự không tồn tại nghiệm của một lớp hệ phương trình gradient elliptic suy biến, Tạp chí NCKH ĐHSĐ	Bài báo
23.	Trương Thị Hải Duyên, (số 48, 2021), Thiết kế và tổ chức dạy học phân hóa chủ đề Hàm số mũ và Hàm số logarit gắn với định hướng nghề nghiệp cho học sinh, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 48 tháng 12/2021	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
24.	Trương Thị Hải Duyên, (27, 2024), On the Ideals of Ultragraph Leavitt Path Algebras, Algebras and Representation Theory 27 (2024), 77-113, (SCI-E, Scopus)	Bài báo
25.	Nguyễn Văn Tuyên, (4, 2021), Elastic field of a dilatational cylindrical inclusion in an elastically isotropic half-space, Reviews on Advanced Materials and Technologies. - Vol. 3, no. 4. - P. 34 - 46. doi: 10.17586/2687-0568-2021-3-4-34-46	Bài báo
26.	Nguyễn Văn Tuyên, (1,2022), Elasticity of thin dilatational disk in an isotropic half-space, Materials Physics and Mechanics. - Vol. 48, no. 1. - P. 44 - 60. doi: 10.18149/MPM.4812022_5. [Q4, IF=1.2]	Bài báo
27.	Nguyễn Văn Tuyên (2024), Isotropic elasticity of dilatational conical inclusion. An analytical approach, International Journal of Solids and Structures.- Vol. 294, - P. 112735 (1 - 12). doi: 10.1016/j.ijsolstr.2024.112735. [Q1, IF=3.8]	Bài báo
28.	Nguyễn Văn Tuyên (6, 2024), General approach to calculating elastic characteristics of axisymmetric quantum dots in nanowires, Technical Physics Letters. - Vol. 50, no. 6. - P. 68 - 72. doi: 10.21883/00000000000. (in Russian)	Bài báo
29.	Nguyễn Văn Tuyên , (2025), Dilatational disk and finite cylindrical inclusion in elastic nanowire, International Journal of Engineering Science. -. - Vol. 206, - P. 104169 (1 - 25). https://doi.org/10.1016/j.ijengsci.2024.104169 . [Q1, IF=5.7]	Bài báo
30.	Nguyễn Văn Tuyên , (2, 2025), Influence of the elastic field of quantum dots on the electronic band structure of III-Nitride wire semiconductors, Reviews on Advanced Materials and Technologies. - 2025. - Vol. 7, no. 2. - P. 124 - 140. https://doi.org/10.17586/2687-0568-2025-7-2-124-140 .	Bài báo
31.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2022), Developing high quality human resources in the process of industrialization and modernization in Vietnam today, Webology, ISSN: 1735-188X). Page: 814-829, https://www.webology.org/issue.php?volume=19&issue=53&page=3	Bài báo
32.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2022), Existings need to concentrate wood works to develop human resources in digital transformation in Vietnam, Journal of Pharmaceutical Negative Results, ISSN: 2220- 7723, Spocus Q3, ISI (ESCI – Thomson Reuters). Page: 1110-1119, https://doi.org/10.47750/pnr.2022.13.S09.132	Bài báo
33.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Adoption of Sustainable Farming Practices in Vietnam: A Discourse of the Determining Factors, HELIYON. Spocus Q1, https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e31792	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
34.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Chuyển đổi số trong các doanh nghiệp: Thực trạng và một số đề xuất trong thời gian tới, Tạp chí Công thương số 3 (02/2023)	Bài báo
35.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Tư tưởng của Lenin về nhà nước kiểu mới trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng”, sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ số 1(80) 2023 (03/2023)	Bài báo
36.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Việt Nam phục hồi và phát triển giai đoạn hậu dịch Covid-19, Tạp chí Tài chính (4/2023)	Bài báo
37.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Phát triển thị trường lao động Việt Nam sau đại dịch covid-19: Hàm ý một số chính sách, Tạp chí điện tử Quản lý Nhà nước (4/2023)	Bài báo
38.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Đánh giá về nhân lực ngành Công nghệ thông tin: những vấn đề đặt ra và giải pháp trong thời gian tới, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán (05/2023)	Bài báo
39.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại một số nước thuộc hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Tạp chí Khoa học thương mại (5/2023)	Bài báo
40.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2023), Giải pháp đảm bảo lợi ích cho người lao động trong các doanh nghiệp hiện nay, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 23 (8/2023)	Bài báo
41.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Quản lý, sử dụng tài nguyên nước ở Việt Nam hiệu quả, nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 36 (12/2023)	Bài báo
42.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Nhân lực ngành trí tuệ nhân tạo: Cơ hội và một số đề xuất trong thời gian tới, Tạp chí Kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương số cuối tháng (03/2024)	Bài báo
43.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Phát triển các sản phẩm OCOP thúc đẩy kinh tế nông thôn, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số đặc biệt (4/2024)	Bài báo
44.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao: Kinh nghiệm quốc tế và liên hệ với Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán số 263 (05/2024)	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
45.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở Hải Dương hiện nay, Tạp chí Đại học Sao Đỏ số 4 (87) 2024 (11/2024)	Bài báo
46.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2020), Mô hình giáo dục đại học liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo nguồn nhân lực thời kỳ hội nhập, NXB Khoa học và kỹ thuật	Sách
47.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2020), Nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế tư nhân nước ta trong bối cảnh hội nhập quốc tế, NXB Lao động	Sách
48.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2021), Phát triển nguồn nhân lực Kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay, NXB Lao động	Sách
49.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2022), Giáo dục trẻ em trong các gia đình công nhân làm việc tại các doanh nghiệp FDI vùng Đồng bằng Sông Hồng, NXB Khoa học và kỹ thuật	Sách
50.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Kinh nghiệm vận dụng KPI trong hoạt động của doanh nghiệp ở Việt Nam, NXB Khoa học và kỹ thuật	Sách
51.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Giáo trình Kỹ năng mềm, NXB Khoa học và kỹ thuật	Giáo trình
52.	Nguyễn Thị Kim Nguyên (2024), Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Kinh tế chính trị Mác – Lênin, NXB Khoa học và kỹ thuật	Sách
53.	Phạm Xuân Đức, (số 4, 2021), Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4 (76), tr. 106-112.	Bài báo
54.	Phạm Xuân Đức, (số 1,2022), Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng bộ thành phố Chí Linh hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (76), tr. 106-112.	Bài báo
55.	Phạm Xuân Đức, (số 1,2022), Tác động của chính sách an sinh xã hội đến lao động và việc làm trong đại dịch COVID-19 tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (76), tr. 120-128.	Bài báo
56.	Phạm Xuân Đức, (số 2,2022), Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), tr. 115-122.	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
57.	Phạm Xuân Đức, (số 1,2023), Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (80), tr. 121-127.	Bài báo
58.	Phạm Xuân Đức, (số 1,2024), Nâng cao hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống và khát vọng cống hiến cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (84)	Bài báo
59.	Phạm Xuân Đức, (số 2,2024), Giảng dạy các học phần lý luận chính trị cho sinh viên ở Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (85), tr. 122-128.	Bài báo
60.	Phạm Xuân Đức, (số 2,2025), Vận dụng tư tưởng triết học trong Truyện Kiều của Nguyễn Du vào giảng dạy học phần Triết học Mác - Lênin cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (89), tr. 112-117.	Bài báo
61.	Phạm Xuân Đức (2024), Giáo trình Kỹ năng mềm, NXB Khoa học và kỹ thuật	Giáo trình
62.	Trần Thị Hồng Nhung, (số 3, 2021), Giá trị và ý nghĩa thời đại của tư tưởng nhân văn Việt Nam thế kỷ XVIII, Số 3 (74) Quý 3/2021 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ, mã số ISSN 1859-4190	Bài báo
63.	Trần Thị Hồng Nhung, (số 2, 2022), Bàn về phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp bền vững của một số vùng và hướng gợi mở cho Đồng bằng sông Hồng, Số 2 (77) Quý 2/2022 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ, mã số ISSN 1859-4190	Bài báo
64.	Trần Thị Hồng Nhung, (số 3, 2022), Bình đẳng về giới trong gia đình ở nông thôn của Hải Dương hiện nay, Số 3 (78) Quý 3/2022)- Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ, mã số ISSN 1859-4190	Bài báo
65.	Trần Thị Hồng Nhung, (số 3, 2023), Phát huy giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng đạo đức mới cho phụ nữ hiện nay, Số 3 (82) Quý 3/2023 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ, mã số ISSN 1859-4190	Bài báo
66.	Trần Thị Hồng Nhung, (số 4, 2023), Đổi mới phương pháp lãnh đạo, phong cách làm việc của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở ở tỉnh Hải Dương hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Số 4 (83) Quý 4/2023 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ, mã số ISSN 1859-4190,	Bài báo
67.	Trần Thị Hồng Nhung, (số 1, 2024), Tư tưởng Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa và sự vận dụng của Đảng ta hiện nay, Số 1	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	(84) Quý 1/2024 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ, mã số ISSN 1859-4190	
68.	Trần Thị Hồng Nhung, (số 1, 2024), Quan hệ biện chứng giữa tính cách mạng và tính khoa học trong công tác tư tưởng của Đảng ta hiện nay, Số 1 (84) Quý 1/2024 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ, mã số ISSN 1859-4190	Bài báo
69.	Trần Thị Hồng Nhung, (số 4, 2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Số 4 (87) Quý 4/2024 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ, mã số ISSN 1859-4190	Bài báo
70.	Nguyễn Mạnh Tường (số 4, 2022), Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chăn nuôi gà đồi cho các hộ nông dân ở Thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH Sao Đỏ , Mã số: ISSN 1859 – 4190 Số 4 (79), tr. 82-86.	Bài báo
71.	Nguyễn Mạnh Tường (số 2, 2024), Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của đạo đức đó với xã hội Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH Sao Đỏ Mã số: ISSN 1859 – 4190 Số 2 (85), tr.93-97	Bài báo
72.	Nguyễn Mạnh Tường (số 3, 2024), Thực trạng và định hướng vận dụng một số phương pháp giảng dạy học phần Tư tưởng HCM gắn với giá trị cốt lõi của Trường ĐH Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Sao Đỏ Mã số: ISSN 1859 – 4190 Số 3 (86), tr.99-105.	Bài báo
73.	Nguyễn Mạnh Tường (số 3, 2024), Tấm gương tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh và việc tự học của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Sao Đỏ, Mã số: ISSN 1859 – 4190 Số 3 (86), tr. 112-116.	Bài báo
74.	Nguyễn Mạnh Tường (số 2, 2025), Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Sao Đỏ, Mã số: ISSN 1859 – 4190 Số 2 (89), tr. 101-106.	Bài báo
75.	Phùng Thị Lý (2021), Vai trò của giáo dục và đào tạo đối với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt nam hiện nay, Số 1 (72) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ	Bài báo
76.	Phùng Thị Lý (2021), Xây dựng xã hội học tập ở tỉnh Hải Dương hiện nay – Thực trạng và giải pháp, Số 4 (75) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ	Bài báo
77.	Phùng Thị Lý (2022), Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài và sự vận dụng tư tưởng đó ở Việt Nam hiện nay, Số 2 (77) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
78.	Phùng Thị Lý (2023), Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa vào xây dựng lối sống văn hóa cho sinh viên Việt Nam hiện nay, Quý 2 - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ	Bài báo
79.	Phùng Thị Lý (2023), Vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam trong giảng dạy học phần triết học Mác – Lênin tại trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 4	Bài báo
80.	Phùng Thị Lý (2025), Đa dạng hoá phương pháp giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam hệ Đại học, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 10	Bài báo
81.	Phùng Thị Lý (2025), Phúc lợi doanh nghiệp với sự phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số tháng 11	Bài báo
82.	Phùng Thị Lý (2025), Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay, Số 2 (90) - Tạp chí nghiên cứu khoa học ĐH Sao Đỏ	Bài báo
83.	Phùng Thị Lý (2025), Vận dụng bài tập tình huống trong giảng dạy kỹ năng mềm ở các trường đại học Việt Nam hiện nay, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số tháng 4/2025	Bài báo
84.	Phùng Thị Lý (2022), Phát triển giáo dục hướng đến hình thành nguồn nhân lực thích ứng với bối cảnh mới, Nxb Thế Giới	Sách tham khảo
85.	Phùng Thị Lý (2022), Giáo dục trẻ em trong các gia đình công nhân làm việc tại các doanh nghiệp FDI vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay, Nxb Khoa học và kỹ thuật	Sách chuyên khảo
86.	Phùng Thị Lý (2025), Giáo trình kỹ năng mềm, Nxb Khoa học và Kỹ thuật	Giáo trình
87.	Phùng Thị Lý, Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 3(74), tr 92-100	Bài báo
88.	Nguyễn Thị Hiền, (2021) Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến việc giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 3(74), tr 92-100	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
89.	Nguyễn Thị Hiền, (2022), Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(77), tr 115-121	Bài báo
90.	Nguyễn Thị Hiền, (2022), Vận dụng quy luật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 3(78), tr 122-128	Bài báo
91.	Nguyễn Thị Hiền, (2024), Bảo vệ nền tảng tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc, đấu tranh chống lại quan điểm sai trái, thù địch của kẻ thù theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1(84), tr 123-128	Bài báo
92.	Nguyễn Thị Hiền, (2024), Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc đổi mới, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(85), tr 115-121	Bài báo
93.	Nguyễn Thị Hiền, (2025), Nâng cao ý thức chính trị của sinh viên Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1(88), tr 117-122	Bài báo
94.	Nguyễn Thị Hiền, (2025), Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống dân tộc cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2 (89), tr 101-106	Bài báo
95.	Nguyễn Thị Hải Hà, Yếu tố tác động đến xây dựng gia đình văn hoá ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm Vinh, Số 1/2020	Bài báo
96.	Nguyễn Thị Hải Hà, Tỉnh Hải Dương thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4(75)	Bài báo
97.	Nguyễn Thị Hải Hà, Giải pháp nâng cao chất lượng tự học, học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2(77)	Bài báo
98.	Nguyễn Thị Hải Hà, Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị, Tạp chí giáo dục và xã hội, tháng tháng 5/2023 (kì 2)	Bài báo
99.	Nguyễn Thị Hải Hà, Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ hiện nay. Thực trạng và giải pháp, Tạp chí giáo dục và xã hội, tháng 5/2024 (kì 1)	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
100.	Đỗ Thị Thuỳ (2021), Giáo dục đạo đức mới trong việc phát triển nhân cách cho thanh niên tỉnh Hải Dương trong bối cảnh mới hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Mã số: ISSN1859 – 4190 số 3 (74), tr 110-119	Bài báo
101.	Đỗ Thị Thuỳ (2022), Xây dựng và phát triển con người theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng – Liên hệ trong giảng dạy học phần, Triết học Mác – Lênin tại Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Mã số: ISSN1859 – 4190 số 1 (76), tr 113 -119	Bài báo
102.	Đỗ Thị Thuỳ (2022), Triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Mã số: ISSN1859 – 4190 số 4 (79), tr 113 - 120	Bài báo
103.	Đỗ Thị Thuỳ (2022), Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Mã số: ISSN1859 – 4190 số 4 (79), tr 106 - 112	Bài báo
104.	Đỗ Thị Thuỳ (2023), Tích hợp kiến thức liên môn trong giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Mã số: ISSN1859 – 4190 số 4(83), tr 92-99	Bài báo
105.	Đỗ Thị Thuỳ (2025), Tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Mã số: ISSN1859 – 4190 số 1 (88), tr 111-116	Bài báo
106.	Phạm Thị Mai (2021), Giáo dục đạo đức mới trong việc phát triển nhân cách cho thanh niên tỉnh Hải Dương trong bối cảnh mới hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 3 (64), tr. 110-115.	Bài báo
107.	Phạm Thị Mai (2022), Xây dựng và rèn luyện tác phong công nghiệp cho sinh viên các trường Đại học trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4 (79), tr. 5-11.	Bài báo
108.	Phạm Thị Mai (2023), Vận dụng ca dao, tục ngữ Việt Nam trong giảng dạy học phần triết học Mác-Lênin tại trường Đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Giáo dục & xã hội	Bài báo
109.	Phạm Thị Mai (2025), Tư tưởng nhân văn của Hồ Chí Minh và vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1	Bài báo
110.	Vũ Tiến Hiếu (2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tạp chí Nghiên	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	cứu khoa học, Đại học Sao Đỏ, Số 2 (77), trang 123.	
111.	Hoàng Thị Ngát (2023), Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	Bài báo
112.	Hoàng Thị Ngát (2024), ИССЛЕДОВАНИЕ АЛГОРИТМОВ ЛИНЕЙНОЙ РЕГРЕССИИ ДЛЯ ПРОГНОЗИРОВАНИЯ ВЕСА ЧЕЛОВЕКА НА ОСНОВЕ ЕГО РОСТА, Научно технический вестник Поволжья	Bài báo
113.	Hoàng Thị Ngát (2024), ОСОБЕННОСТИ РАЗРАБОТКИ ИГР В СРЕДЕ UNITY, Научно технический вестник Поволжья	Bài báo
114.	Hoàng Thị Ngát (2025), EFFECTIVE USE OF BIG DATA IN BUSINESS MANAGEMENT STRATEGIES AND EXAMPLES OF SUCCESSFUL IMPLEMENTATIONS, Journal of Applied Research	Bài báo
115.	Vũ Bảo Tạo (2022), Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859 – 4190, số 3 (78), tr 32-39.	Bài báo
116.	Vũ Bảo Tạo (2022), Giảm nhiễu trong mạng hỗn tạp 5G dựa trên thuật toán phân bố tốc độ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, ISSN 1859 – 4190, số 2 (77), tr 11-18.	Bài báo
117.	Phạm Thị Tâm (2025), эффективное использование больших данных в стратегиях управления бизнесом и примеры успешных реализаций, Tạp chí Journal of Applied Research	Bài báo
118.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2022), Xây dựng nền tảng lưu trữ và phân tích dữ liệu lớn với Apache Hadoop và Spark, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ P.ISSN 1859-4190, số 3 năm 2022, trang 32	Bài báo
119.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2023), ZERO TRUST КАК ИНСТРУМЕНТ ЗАЩИТЫ ИНФОРМАЦИОННЫХ АКТИВОВ КОМПАНИЙ, Научно технический вестник Поволжья. SSN 2079-5920; 656 -658	Bài báo
120.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2023), МОДЕЛЬ РАСПОЗНАВАНИЯ ЭМОЦИЙ ДЛЯ ОЦЕНКИ УРОВНЯ УДОВЛЕТВОРЕННОСТИ ОБУЧАЮЩИХСЯ, Научно технический вестник Поволжья. SSN 2079-5920; 656 -658	Bài báo
121.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2023), Ứng dụng mạng YOLOv8 phát hiện khuyết tật môi hàn, Tạp chí Nghiên cứu khoa học,	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	trường Đại học Sao Đỏ số 4(83) 2023	
122.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2024), Analysis of time-varying brain connectivity using nonparametric Bayesian model, Global Journal of Engineering and Technology Advances, 2024, 21(03), 069–076. ISSN: 2582-5003	Bài báo
123.	Hoàng Thị An (2020), Ứng dụng kỹ thuật xử lý ảnh kết hợp mô hình mạng học sâu nhận dạng hoa quả xuất khẩu, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4(71)/2020.	Bài báo
124.	Hoàng Thị An (2021), Ứng dụng Detectron2 phân loại quả cà chua, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, trường Đại học Sao Đỏ số 3 (74) 2021	Bài báo
125.	Hoàng Thị An(2022), Giảm nhiễu trong mạng hỗn tạp 5G dựa trên thuật toán phân bố tốc độ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, trường Đại học Sao Đỏ số 2 (77) 2022	Bài báo
126.	Hoàng Thị An (2023), Ứng dụng mạng YOLOv8 phát hiện khuyết tật mối hàn, Tạp chí Nghiên cứu khoa học, trường Đại học Sao Đỏ số 4(83) 2023	Bài báo
127.	Hoàng Thị An (2024), Research on deep learning models and data preprocessing techniques for driver fatigue detection, Global Journal of Engineering and Technology Advances, 2024, 19(03), 050–055	Bài báo
128.	Nguyễn Thị Thuỷ (2023), Giải pháp phòng tránh rủi ro đối với người mua hàng trong các giao dịch thương mại điện tử tại thị trường Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và dự báo, Số 17, tháng 6/2023 (884), tr.37-39	Bài báo
129.	Nguyễn Thị Thuỷ (2024), Giải pháp xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số (84)/2024, tr.55-60	Bài báo
130.	Nguyễn Thị Thuỷ (2024), Thực trạng chất lượng lao động Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Kinh tế và dự báo Số đặc biệt tháng 4/2024, tr.44-47	Bài báo
131.	Nguyễn Thị Thuỷ (2024), Thực trạng ứng dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong các khu công nghiệp Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 3 (86)/2024, tr.81-86	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
132.	Nguyễn Thị Thuỷ (2025), Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số đặc biệt: 90 (2/2025), tr.205-212	Bài báo
133.	Nguyễn Thị Thuỷ (2025), Giải pháp marketing nhằm phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 2 (89/2025), tr.59-64	Bài báo
134.	Hoàng Thị Hoa (2024), The relationship between gamification marketing and Gen Z sustainable decision: Role of Customer Experience, Tạp chí Khoa học công nghệ, đại học công nghiệp Hà Nội, Số Tập 60 - Số 11E (11/2024) - Bản in tiếng Anh, tr.97-104	Bài báo
135.	Hoàng Thị Hoa (2025), Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí Đại Học Sao Đỏ, Số Số 2 (90)/2025, tr.195-204	Bài báo
136.	Hoàng Thị Hoa (2025), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi mua sắm hàng Việt trên các sàn thương mại điện tử, Tạp chí kinh tế và dự báo, Số 9/2025, tr.65-67	Bài báo
137.	Ngô Thị Luyện (2019), Giải pháp thu hút vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	Bài báo
138.	Ngô Thị Luyện (2022), Hoàn thiện hành lang pháp lý cho cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với Fintech, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 16 tháng 6/2022 (806)	Bài báo
139.	Ngô Thị Luyện (2023), Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam trước biến động kinh tế thế giới hiện nay, Tạp chí Kinh tế và dự báo/ Số 17 tháng 06/2023 (844)	Bài báo
140.	Ngô Thị Luyện (2023), Định hướng mô hình quản trị đại học thông minh Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Kinh tế dự báo	Bài báo
141.	Ngô Thị Luyện (2023), Giải pháp thúc đẩy hoạt động thương mại dịch vụ tỉnh Hải Dương trong bối cảnh chuyển đổi số, Tạp chí nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ/ Số 4 (83) 2023	Bài báo
142.	Ngô Thị Luyện (2024), Giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
143.	Ngô Thị Luyện (2024), Kiểm soát giá nhằm giảm tác động kép từ bão Yagi và dịp Tết Nguyên đán tại tỉnh Hải Dương, Tạp chí nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, Số 4 (87) 2024	Bài báo
144.	Ngô Thị Luyện (2025), Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số, Tạp chí nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, Số 2 (90) 2025	Bài báo
145.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2020) Tác động của đại dịch covid-19 đến doanh nghiệp Việt Nam và một số chính sách hỗ trợ của Chính phủ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4 (71)/2020.	Bài báo
146.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2021) Ứng dụng lý thuyết tín hiệu đánh giá giá trị chương trình đào tạo bậc đại học của khoa điện, trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(73)/202.	Bài báo
147.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ trồng chè: Trường hợp từ tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1(76)/2022.	Bài báo
148.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Hình ảnh thương hiệu trường Đại học Sao Đỏ - tiếp cận từ phía người học, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(77)/2022.	Bài báo
149.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2022) Chuyển đổi số trong doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 7/2022.	Bài báo
150.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Định hướng mô hình quản trị đại học thông minh Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 4/2023.	Bài báo
151.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Giải pháp thúc đẩy thực hành ESG (Environmental – Social – Governance) tại doanh nghiệp, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2(81)/2023.	Bài báo
152.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2023) Đào tạo nguồn nhân lực số trong xây dựng và phát triển kinh tế số tại Việt Nam, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4(83)/2023.	Bài báo
153.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1(84)/2024.	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
154.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Giải pháp phát triển các sản phẩm OCOP tỉnh Hải Dương, Tạp chí Kinh tế và dự báo, e-ISSN: 2734-9365.	Bài báo
155.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Tác động của chất lượng cung ứng dịch vụ logistics đến sự hài lòng của khách hàng: Nghiên cứu ở một số doanh nghiệp logistics trên địa bàn Hà Nội, Tạp chí Kinh tế và dự báo, e-ISSN: 2734-9365.	Bài báo
156.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2024) Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng đối với sản phẩm bánh trung thu của khách hàng tại Hà Nội, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 4(87)/2024.	Bài báo
157.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025) Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng khi mua sắm tại Aeon mall Hà Đông, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 1 (88)/2025.	Bài báo
158.	Nguyễn Thị Ngọc Mai (2025) Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, số 2 (90)/2025.	Bài báo
159.	Trịnh Thị Chuyên (2020), Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống văn hoá cho thanh niên và vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	Bài báo
160.	Trịnh Thị Chuyên (2022), Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học Tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	Bài báo
161.	Trịnh Thị Chuyên (2023), Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Tiếng Anh tại Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ,	Bài báo
162.	Trịnh Thị Chuyên (2024), Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy Tiếng Anh cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí giáo dục và xã hội	Bài báo
163.	Trần Thị Mai Hương (2021), Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh chuyên ngành tại Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NKCH-ĐHSD	Bài báo
164.	Trần Thị Mai Hương (2022), Tourism sustainable development of Chi Linh city in the global integration trend, Tạp chí NKCH-ĐHSD	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
165.	Trần Thị Mai Hương (2023), Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái nhằm hạn chế và ứng phó với biến đổi khí hậu, Tạp chí NKCH-ĐHSD	Bài báo
166.	Trần Thị Mai Hương (2024), Chuyển đổi số - những thách thức và cơ hội cho sự phát triển du lịch Việt Nam, Tạp chí NKCH-ĐHSD	Bài báo
167.	Trần Thị Mai Hương (2025), Nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các học phần tiếng Anh căn bản cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NKCH-ĐHSD	Bài báo
168.	Vũ Thị Lương (2022), Áp dụng các hoạt động ngoại khóa trong dạy học Tiếng Anh nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	Bài báo
169.	Vũ Thị Lương (2023), Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng anh tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	Bài báo
170.	Vũ Thị Lương (2024), Áp dụng phương pháp thảo luận nhóm trong giảng dạy tiếng anh cho sinh viên trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Giáo dục và xã hội, tháng 6/2024.	Bài báo
171.	Trần Hoàng Yến (2021), Nghiên cứu thực trạng nói tiếng Anh và đề xuất 1 số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên Đại học Sao Đỏ, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 1 (72), tr. 91-97.	Bài báo
172.	Trần Hoàng Yến (2022), Dịch vụ du lịch của thành phố Chí Linh, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 4 (79), tr. 93-99.	Bài báo
173.	Trần Hoàng Yến (2023), Xây dựng môi trường văn hoá ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ, Số 3 (82), tr. 93-99.	Bài báo
174.	Trần Hoàng Yến (2023), Bảo tồn và phát triển làng nghề, làng truyền thống của tỉnh Hải Dương trong bối cảnh tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay. Tạp chí NCKH Đại học Sao Đỏ	Bài báo
175.	Trần Hoàng Yến (2024), Phát triển du lịch gắn liền với phát triển văn hoá ở tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH Đại học Sao	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Đỏ, Số 4 (87), tr. 100-105	
176.	Trần Hoàng Yên (2024), Làng văn hoá và xây dựng làng văn hoá trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Giáo dục và Xã hội tháng 7 năm 2024 (kỳ 2), tr.280-286	Bài báo
177.	Tăng Thị Hồng Minh (2022), Ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động marketing địa phương nhằm phát triển du lịch của tỉnh Hải Dương, Tạp chí NCKH - Đại học Sao Đỏ số 03 tháng 10 năm 2022. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
178.	Tăng Thị Hồng Minh (2023), Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái nhằm hạn chế và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 năm 2023. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
179.	Tăng Thị Hồng Minh (2024), Assessment of the impact of covid -19 and economic downturn to tourism in Viet Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số Quý II (6/2016), trang 52 - 60. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
180.	Tăng Thị Hồng Minh (2024), Giáo dục trực tuyến - xu hướng đào tạo du lịch trong bối cảnh hội nhập phát triển kinh tế., Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 năm 2024. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
181.	Tăng Thị Hồng Minh (2024), Từ những tranh cãi về “ạ”, “nhé ạ”, “cái”, “chiếc” luận bàn về cách dùng từ 2024 của giới trẻ hiện nay trên mạng xã hội., Tạp chí Giáo dục và Xã hội - số 165 tháng 12 năm 2024.	Bài báo
182.	Tăng Thị Hồng Minh (2025), Nghĩa hàm ẩn trong quảng cáo trực tuyến: So sánh đối chiếu giữa tiếng Anh và tiếng Việt, Tạp chí Ngôn ngữ & đời sống, số 4 (366) tháng 4 năm 2025. Mã số: ISSN 0868 - 3409	Bài báo
183.	Phạm Thị Hồng Trang(2021), 越南语褒贬义汉越词与汉语中的 源头词的词义对比研, 中学生报道-教学研究	Bài báo
184.	Phạm Thị Hồng Trang(2024), Phương pháp dịch các yếu tố văn hóa trong học phần Biên dịch Trung Việt tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Khoa học Quản lý và Công nghệ.	Bài báo
185.	Phạm Thị Hồng Trang(2025), Sử dụng trích đoạn phim để nâng cao kỹ năng nói tiếng Trung Quốc trong các cơ sở giáo dục đại học, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ	Bài báo
186.	Bùi Thị Trang (2021), Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
187.	Nguyễn Thị Xuyên (2020), Giải pháp, nâng cao chất lượng dạy và học chữ đa âm trong tiếng Hán tại trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ	Bài báo
188.	Nguyễn Thị Xuyên (2022), Ứng dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động marketing địa phương nhằm phát triển du lịch của tỉnh Hải Dương, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ	Bài báo
189.	Nguyễn Thị Xuyên (2023), Phát triển hoạt động tổ chức Teambuilding cho sinh viên du lịch Trường Đại học Sao Đỏ Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ	Bài báo
190.	Nguyễn Thị Lan (2020), Một vài suy nghĩ về việc sử dụng thành ngữ tiếng Hán cho sinh viên giai đoạn cao cấp, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ	Bài báo
191.	Nguyễn Thị Lan (2020), Một vài suy nghĩ về việc dạy kỹ năng nghe hiểu tiếng Trung Quốc cho sinh viên trình độ sơ cấp khoa du lịch và ngoại ngữ Trường Đại học Sao Đỏ, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ	Bài báo
192.	Phạm Thị Hồng Hoa (2020), Chính sách an sinh xã hội tại Thái Lan và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q4/2020	Bài báo
193.	Phạm Thị Hồng Hoa (2021), Giảm nghèo và phát triển bền vững ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q4/2021	Bài báo
194.	Phạm Thị Hồng Hoa (2022), Vận dụng quy luật từ sự thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào quá trình học tập của sinh viên trường đại học Sao Đỏ hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q3/2022.	Bài báo
195.	Phạm Thị Hồng Hoa (2023), Chính sách an sinh xã hội đối nông dân Việt Nam, kinh nghiệm từ Trung Quốc, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q2/2023.	Bài báo
196.	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản, Tạp chí số đặc biệt trường Đại học Sao Đỏ.	Bài báo
197.	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Chính sách hỗ trợ DN nhỏ và vừa tại tỉnh HD, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q2/2024	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
198.	Phạm Thị Hồng Hoa (2024), Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại VN, Tạp chí số đặc biệt trường Đại học Sao Đỏ	Bài báo
199.	Phạm Thị Hồng Hoa (2025), Nợ và quản lý nợ nước ngoài tại VN, Tạp chí Nghiên cứu khoa học trường Đại học Sao Đỏ Q1/2025	Bài báo
200.	Phạm Văn Dự (2022), Tư tưởng của Lenin, Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam, Tạp chí Chủ nghĩa xã hội lý luận - Thực tiễn	Bài báo
201.	Phạm Văn Dự (2024), Ý nghĩa thời đại tác phẩm “Nhiệm vụ của Đoàn thanh niên” của V.I. Lenin, sự vận dụng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí Thanh niên Nghiên cứu khoa học	Bài báo
202.	Phạm Văn Dự (2024), Phận sự của cán bộ, đảng viên trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc” và sự vận dụng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, Tạp chí Nội chính.	Bài báo
203.	Phạm Văn Dự (2025), Trường Đại học Sao Đỏ điểm sáng trong công tác giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên, Tạp chí Quốc phòng toàn dân. Số 6/2025, tr 81-83.	Bài báo
204.	Nguyễn Thị Nhan, (2020), Nâng cao chất lượng giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (68).2020, trang 116-121. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
205.	Nguyễn Thị Nhan, (2020), Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong quản lý phát triển xã hội hiện nay , Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (70).2020, trang 123-127. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
206.	Nguyễn Thị Nhan, (2021), Học tập tấm gương làm việc trách nhiệm, khoa học, đổi mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng tác phong làm việc của giảng viên các trường đại học hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2(73).2021, trang 116-121. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
207.	Nguyễn Thị Nhan, (2022), Giảng dạy Triết học Mác - Lenin trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (76).2022, trang 100-106. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
208.	Nguyễn Thị Nhan, (2022), Những nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu và giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lenin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2(77).2022, trang 123-127. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
209.	Nguyễn Thị Nhan, (2023), Phát huy năng lực tự học của sinh viên trong dạy học Triết học Mác - Lênin, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (82).2023, trang 108-113. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
210.	Nguyễn Thị Nhan, (2024), Vận dụng Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 (85).2024, trang 109-115. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
211.	Nguyễn Thị Nhan, (2025), Vai trò của giảng viên lý luận chính trị với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (88).2025, trang 99-104. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo
212.	Vũ Văn Đông, (2020), Vai trò của gia đình trong việc giáo dục thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (70).2020, trang 115 - 122. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
213.	Vũ Văn Đông, (2021), Xóa đói, giảm nghèo ở Hải Dương trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (72).2021, trang 115 - 122. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
214.	Vũ Văn Đông, (2021), Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (74).2021, trang 101 - 109. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
215.	Vũ Văn Đông, (2021), Bàn về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (75).2021, trang 108 - 115. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
216.	Vũ Văn Đông, (2022), Bàn về phát triển nguồn nhân lực phục vụ nông nghiệp bền vững của một số vùng và hướng gợi mở cho Đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 (77).2022, trang 71 - 76. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
217.	Vũ Văn Đông, (2022), Sự chuyển dịch cơ cấu lao động trong bối cảnh tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 ở tỉnh Hải Dương hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (78).2022, trang 115 - 121. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
218.	Vũ Văn Đông, (2023), Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết vấn đề xã hội ở Hải Dương hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (80).2023, trang 110 - 116. Mã số: ISSN 1859 - 4190	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
219.	Vũ Văn Đông, (2023), Xu hướng chuyển dịch nguồn nhân lực vụ phát triển nông nghiệp bền vững ở Hải Dương hiện nay - những vấn đề đặt ra, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (82).2023, trang 57 - 63. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
220.	Vũ Văn Đông, (2023), Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của đạo đức đó trong đời sống đạo đức của xã hội Việt Nam hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (82).2023, trang 110 - 116. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
221.	Vũ Văn Đông, (2023), Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục truyền thống lịch sử cho thế hệ trẻ và nội dung vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (83).2023, trang 107 - 113. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
222.	Vũ Văn Đông, (2024), Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Hải Dương về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng hiện nay, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 3 (86).2024, trang 106 - 111. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
223.	Vũ Văn Đông, (2024), Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm Kinh tế chính trị Mác- Lênin, NXB Khoa học và Kỹ thuật Mã số: ISBN 978-604-67-3032-3.	Bài báo
224.	Vũ Văn Đông, (2024), Lý luận về hàng hóa sức lao động của C. Mác và giá trị trong phát triển thị trường lao động thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (87).2024, trang 106 - 112. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
225.	Vũ Văn Đông, (2024), Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải phóng phụ nữ và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 4 (87).2024, trang 123 - 128. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
226.	Vũ Văn Đông, (2024), Quan điểm của Lênin về sở hữu tư liệu sản xuất trong chính sách kinh tế mới và sự vận dụng của Đảng ta, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số 165 (226) tháng 12/2024 (kỳ 1), trang 154 - 159. Mã số: ISSN 1859 - 3917.	Bài báo
227.	Vũ Văn Đông, (2025), Phát triển nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Hồng và những yếu tố tác động, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 1 (88).2025, trang 123 - 128. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo
228.	Vũ Văn Đông, (2025), Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Đại học Sao Đỏ, số 2 (90).2025, trang 25 - 33. Mã số: ISSN 1859 - 4190.	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
229.	Vũ Văn Đông, (2025), Những nhân tố ảnh hưởng và xu thế chuyển dịch nguồn nhân lực ngành nông nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Giáo dục và xã hội, số Đặc biệt tháng 5/2025, trang 541- 546. Mã số: ISSN 1859 - 3917.	Bài báo
230.	Nguyễn Thế Long (2020), A Robust Approach to Detect Gas Bubbles through Images Analysis, Intelligent Decision Technologies,	Bài báo
231.	Nguyễn Thế Long (2021), Deep Learning Methods for Classification of Road Defects, International Journal of Artificial Intelligence	Bài báo
232.	Nguyễn Thế Long (2021), Automatic Identification Fingerprint Based on Machine Learning Method, Journal of the Operations Research Society of China	Bài báo
233.	Nguyễn Thế Long (2021), Segmentation of Forest Fire Images Based on Convolutional Neural Networks, International Journal of Artificial Intelligence	Bài báo
234.	Nguyễn Thế Long (2022), Optimizing Image Segmentation of Pavement Defects Using Graph-based Method, Intelligent Decision Technologies	Bài báo
235.	Nguyễn Thế Long (2022), Classification of Road Pavement Defects Based on Convolution Neural Network in Keras, Automatic Control and Computer Sciences	Bài báo
236.	Nguyễn Thế Long (2023), An approach using deep learning for forest fire detection, Proceeding of the 5th International Conference on Advances in Signal Processing and Artificial Intelligence (ASPAI' 2023)	Bài báo
237.	Nguyễn Thế Long (2023), Improved Approach Build Anthropological Face Feature Maps Based on Convolution Neural Network, Advances in Information and Communication Technology. Lecture Notes in Networks and Systems	Bài báo
238.	Nguyễn Thế Long (2023), Application of Deep Learning Methods for Forest Fire Intelligent Image Processing, Advances in Information and Communication Technology	Bài báo
239.	Nguyễn Thế Long (2024), Optimization of A Pavement Defects Detection System Using A Deep Learning Algorithm with Pre-train, International journal of Artificial Intelligence	Bài báo
240.	Nguyễn Thế Long (2024), Application Pre-trained Network – ResNet50 for the Classification of Electronic Components,	Bài báo

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	Proceeding of the 6th International Conference on Advances in Signal Processing and Artificial Intelligence (ASPAI' 2024)	
241.	Nguyễn Thế Long (2025), Deep Learning Application for Images Augmentation in Electrical Component Classification System, Advances in Information and Communication Technology. Lecture Notes in Networks and Systems	Bài báo
242.	Nguyễn Thế Long (2025), Forecasting Flood in Vietnam Using Deep Learning, Proceeding of the 7th International Conference on Advances in Signal Processing and Artificial Intelligence(ASPAI' 2025)	Bài báo
243.	Nguyễn Thế Long (2025), Application of a Convolutional Neural Network for Flood Forecasting in Vietnam, EFES International Scientific Research and Innovation Congress-III	
244.	Nguyễn Văn Đức (2014), Những phương pháp xây dựng hệ thống mô hình gần đúng nhiều biến số đầu ra, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Kỹ Thuật Quốc Gia Irkutsk; số 6(89).2014.	Bài báo
245.	Nguyễn Văn Đức (2014), Mô hình toán nhiều biến số đầu ra của hệ thống kinh tế, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Kỹ Thuật Quốc Gia Irkutsk; số 8(91).2014.	Bài báo
246.	Nguyễn Văn Đức (2015), Quá trình mô phỏng nhiều đầu ra trong dự báo hệ thống kinh tế, Tạp chí Nghiên cứu khoa học - Đại học Quốc Gia Baikal; số 1.2015.	Bài báo

4.3. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

- Đội ngũ GV hiện tại của Trường đã đáp ứng và đảm nhận được 100% khối lượng CTĐT ngành Toán ứng dụng. Tuy nhiên, căn cứ vào Chiến lược phát triển đội ngũ, Nhà trường/Khoa Luật và Giáo dục đại cương đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV đảm bảo về số lượng, chất lượng và cơ cấu để đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Kế hoạch phát triển đội ngũ GV đến năm 2030 bao gồm việc tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đánh giá và đưa ra các chế độ, chính sách đãi ngộ như:

- Hằng năm Nhà trường cử nhiều GV đi học tập, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm tổ chức từ 20 - 40 chuyên đề bồi dưỡng về chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phương pháp NCKH cho GV.

- Tiếp tục chọn cử GV đi làm nghiên cứu sinh ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu nhân lực của từng ngành, dự kiến đến năm 2030 có thêm 03 Tiến sĩ để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Toán ứng dụng dự kiến mở.

- Tiếp tục tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động NCKH, hoạt động thực tế, tích cực tham gia hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; hỗ trợ GV đạt học hàm và các chức danh nghề nghiệp.

- Nhà trường thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ GV như: Xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ về điều kiện làm việc, học tập nâng cao trình độ, thu nhập để thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ và đang làm nghiên cứu sinh.

Hằng năm, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa/Trường được theo dõi đánh giá, điều chỉnh về số lượng và chất lượng.

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

5.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị dạy học

Trường ĐHSD có 02 cơ sở đào tạo: Cơ sở 1 tại Số 76, Nguyễn Thị Duệ, KDC Thái Học 2, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng; Cơ sở 2 tại Km 78, quốc lộ 37, KDC Thái Học, P. Chu Văn An, TP. Hải Phòng. Diện tích 02 cơ sở là gần 27 ha. Hoạt động đào tạo với đầy đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và các trung tâm thực hành, thực nghiệm phù hợp đảm bảo tỷ lệ diện tích/người học theo quy định để hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ các CTĐT theo quy định hiện hành.

Nhà trường hiện nay có 121 phòng học lý thuyết với tổng diện tích 847m². 100% phòng học lý thuyết được trang bị điều hòa không khí, máy chiếu/màn hình LED cỡ lớn, camera giám sát tạo điều kiện cho SV học tập. Có 10 phòng thi trắc

nghiệm sử dụng phần mềm PMT-EMS có bản quyền. Nhà trường có hạ tầng CNTT áp dụng các phần mềm trong quản lý đào tạo, quản lý hỗ trợ học tập, cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành Toán ứng dụng.

Nhà trường có các phòng thực hành ngoại ngữ với đầy đủ các trang thiết bị nghe nhìn, các phần mềm bản quyền trong giảng dạy tiếng Anh, tiếng Trung, các phòng học thực hành giảng dạy Tin học, lập trình và sử dụng các phần mềm ứng dụng với các trang thiết bị thực hành tương ứng.

Nhà trường có cổng thông tin điện tử với địa chỉ <https://saodo.edu.vn/>. Thông tin trên cổng thông tin điện tử luôn được cập nhật thường xuyên, công bố công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, CTĐT V.V...

Bảng 5.1. Phòng học, phòng thực hành và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy 4

STT	Loại phòng học (Phòng học, phòng học thực hành)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học lý thuyết	121	8470	Màn hình LCD, máy chiếu projector	121 bộ	Các học phần/môn học lý thuyết
2	Phòng học máy tính ứng dụng công nghệ	18	1170	Máy tính bàn, màn hình LCD	540 bộ	Các học phần/môn học về Tin học, lập trình, khai thác phần mềm ứng dụng toán học, công nghệ trong dạy học, thiết kế bài giảng điện tử ...
3	Phòng thực hành ngoại ngữ	4	386	Máy chủ, máy tính cá nhân, máy chiếu đa năng, hệ thống âm thanh, hệ thống phần mềm chuyên dụng	134 bộ	Các học phần rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ Nghe, nói, đọc, viết
4	Giảng đường đa năng	01	900 chỗ ngồi	Màn hình LCD, máy chiếu projector	01	Hội họp, học kỹ năng mềm

Bảng 5.2. Trang thiết bị phòng thực hành ngoại ngữ phục vụ giảng dạy 5

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
I	Phòng thực hành ngoại ngữ số 1					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	Toán ứng dụng	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	Toán ứng dụng	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ. Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
II	Phòng thực hành ngoại ngữ số 2					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	Toán ứng dụng	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	Toán ứng dụng	
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V - 100	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
6	Phần mềm multimedia dùng cho Giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ, Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
III	Phòng thực hành, học tập tin học					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên Model: i3-8100;	1	2019	Việt Nam	Toán ứng dụng	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên Model: i3-810	36	2019	Việt Nam	Toán ứng dụng	

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
3	Máy chiếu đa năng Model: VL-3100	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
4	Hệ thống âm thanh hỗ trợ Model: V-100	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
5	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra. Model: V-580AV	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
6	Phần mềm multimedia dùng cho GV viên điều khiển và quản lý lớp học ngôn ngữ, Model: VL-7200T;	1	2019	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
IV	Phòng thực hành, học tập Toán học ứng dụng					
1	Máy tính để bàn dành cho giáo viên (mã hiệu: VC 4690)	1	2015	Việt Nam	Toán ứng dụng	
2	Máy tính để bàn dành cho học viên (mã hiệu: G2030)	40	2015	Việt Nam	Toán ứng dụng	
3	Máy chiếu đa năng (mã hiệu: VL-2700)	1	2015	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
4	Hệ thống điều khiển và bàn lập trình, chuyển đổi tín hiệu vào/ra (mã hiệu: V-580AV)	1	2015	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
5	Thiết bị khuếch đại đường truyền Audio và phần mềm hỗ trợ (mã hiệu: V-580)	41	2015	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
6	Hệ thống âm thanh hỗ trợ (mã hiệu: V-100)	1	2015	Trung Quốc	Toán ứng dụng	
7	Phần mềm dùng cho giáo viên điều khiển và quản lý lớp học ngoại ngữ (VL-6800T)	1	2015	Việt Nam	Toán ứng dụng	
8	Phần mềm dùng cho học viên	1	2015	Việt Nam	Toán ứng dụng	
9	Máy in LaserJet HP	1	2014	Việt Nam	Toán ứng dụng	
10	Ti vi Sam Sung PS50A410	1	2009	Việt Nam	Toán ứng dụng	
11	Bộ âm ly 3600-OMATON	1	2013	Trung Quốc	Toán ứng dụng	

TT	Tên trang thiết bị/thông số/đặc tính kỹ thuật	Số lượng	Năm sản xuất	Nước SX	Dùng cho ngành (CTĐT)	Ghi chú
12	Loa cây JBL 2 bát 40 + Micro không dây + Micro để bàn (2 loa, 2 mic, 1 bộ để bàn)	1	2013	Trung Quốc	Toán ứng dụng	

5.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

* Thư viện

Thư viện Trường ĐHSĐ có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để SV tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện nghiên cứu và học tập như giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, tạp chí khoa học trong và ngoài nước

Trung tâm thư viện diện tích trên 988 m² với trên 5.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; thư viện điện tử của Nhà trường (<http://lib.saodo.edu.vn>), được kết nối với cơ sở dữ liệu của Trung tâm kết nối Tri thức số hiện đã có 121 thư viện số của cơ sở giáo dục đại học kết nối chia sẻ tài nguyên (<https://hub.idk.org.vn>) giúp cho SV, học viên của trường tra cứu, sử dụng tài liệu để nghiên cứu và học tập, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

Hàng năm Nhà trường đầu tư hàng trăm triệu đồng để mua bổ sung và cập nhật sách và tài liệu nhằm tăng số lượng đầu sách cho thư viện.

Những phòng nghiệp vụ chủ yếu gồm:

* Phòng đọc tài liệu điện tử:

- Số lượng phòng: 02

- Số lượng máy tính: 50 máy

- Mục đích sử dụng: đọc, nghiên cứu các loại tài liệu điện tử; khai thác các tài liệu điện tử trên mạng Internet; thực hành, mô phỏng các giải pháp qua các phần mềm đã được cài đặt. Thư viện điện tử có thể liên kết với các tài liệu đã được số hóa và các tài liệu của các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước.

Danh mục chi tiết các thiết bị được trang bị cho Phòng đọc tài liệu điện tử (Bảng 5.3).

Bảng 5.3. Trang thiết bị tại phòng đọc điện tử thư viện 6

STT	Tên gọi của máy, thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Ghi chú
1	Máy tính đồng bộ Fujitsu	47	ĐNA	
2	Máy sever Fujitsu RX600 S4	03	Đài loan	
3.	Wiess AIR - AP 1252 AG-A-K9	05	Đài loan	
4.	Swich quang: KATALIST WS-C3750 G	05	Đài loan	

5.	Switch quang: KATALIST CE 500	08	Đài loan	
Trang thiết bị phục vụ nghe, nhìn, đồng bộ khác...				

** Phòng đọc tài liệu tổng hợp*

- Số lượng phòng: 05
- Mục đích sử dụng: đọc các loại tài liệu sách, giáo trình, báo, tạp chí.
- Các trang thiết bị chính: phòng đọc tài liệu tổng hợp trên 5.000 đầu sách, báo, tạp chí khoa học, phục vụ đồng thời trên 200 chỗ đọc.

** Phòng hội thảo khoa học*

- Số lượng phòng: 02.
- Diện tích phòng: 100 m²/phòng.
- Mục đích sử dụng: báo cáo khoa học, hội thảo khoa học, bảo vệ Luận văn tốt nghiệp.
- Các trang thiết bị chính: máy chiếu đa năng, màn hình tinh thể lỏng, máy tính, v.v..

Bảng 5.4. Thống kê các giáo trình/sách tham khảo để sử dụng/tham khảo cho các học phần ngành Toán ứng dụng⁷

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
1.	Tài liệu học tập Triết học Mác - Lênin	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	Triết học Mác - Lênin	
2.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2009, Việt Nam		
3.	Tài liệu học tập Kinh tế chính trị Mác - Lênin	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	
4.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	BGDĐT	Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021		
5.	Toàn tập, Tập 12, 18, 23, 25	C.Mác - Ph. Ăngghen	Chính trị quốc gia, 1995, Việt Nam		
6.	Toàn tập, Tập 27	V.I. Lênin	Chính trị quốc gia, 1995, Việt Nam		
7.	Tài liệu học tập Chủ nghĩa xã hội Khoa học	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	Chủ nghĩa xã hội khoa	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
8.	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	BGDĐT	Chính trị QG, 2009, Việt Nam	học	
9.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
10.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	BGDĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, Việt Nam		
11.	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Việt Nam	BGDĐT	Chính trị Quốc gia, 2018, Việt Nam		
12.	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2008, Việt Nam		
13.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2011, Việt Nam		
14.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2016, Việt Nam		
15.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, 2021, Việt Nam		
16.	Tài liệu học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	Tư tưởng Hồ Chí Minh	
17.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	BGDĐT	Chính trị quốc gia, 2009, Việt Nam		
18.	Tài liệu học tập Pháp luật đại cương	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	Pháp luật đại cương	
19.	Giáo trình Nhà nước và pháp luật	Nguyễn Cửu Việt	ĐHQG, 2004, Việt Nam		
20.	Logic học đại cương	Nguyễn Như Hải	NXB Đại học sư phạm Hà Nội	Logic học đại cương	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
			2014		
21.	Logic học đại cương	Vương Tất Đạt	NXB Đại học Quốc Gia Hà nội năm 2010		
22.	Real life - Elementary - Students' book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	Tiếng Anh căn bản 1	
23.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2019, UK		
24.	Essential Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press		
25.	Real life - Elementary - Students' book	Marty Hobbs Julia Starr Keddle	Pearson Longman	Tiếng Anh căn bản 2	
26.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2019, UK		
27.	Real life Preintermediate - Students' book	Sarah Cuning Ham, Peter Moor	Pearson Longman, 2010	Tiếng Anh căn bản 3	
28.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge University Press, 2019, UK		
29.	Advanced Grammar in Use	Martin Hewings	Cambridge University Press, 2005, UK		
30.	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1- Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019, Trung Quốc	Tiếng Trung Quốc 1	
31.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia, 2009, Việt Nam		
32.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam		
33.	Giáo trình Hán ngữ (Tập 1- Quyển hạ)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019, Trung Quốc	Tiếng Trung Quốc 2	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
34.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 1	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam		
35.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam		
36.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam		
37.	Giáo trình Hán ngữ (Tập 2 - Quyển thượng)	Dương Ký Châu	Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2018, Trung Quốc	Tiếng Trung Quốc 3	
38.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 2	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam		
39.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 3	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam		
40.	Giáo trình 345 câu khẩu ngữ tiếng Hán tập 4	Trần Hiền Thuần	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam		
41.	Tài liệu học tập Tin học đại cương và chuyển đổi số	Trường Đại học Sao Đỏ	2025	Tin học cơ bản và chuyển đổi số	đại cương và chuyển đ
42.	Giáo trình Tin học đại cương	TS. Nguyễn Thị Bạch Tuyết, TS. Trần Quang Yên, ThS. Phạm Văn Minh, ThS. Phùng Tiến Hải, ThS. Trần Thanh Hải và ThS. Trần	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2024	Tin học cơ bản và chuyển đổi số	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
		Dũng Khánh			
43.	Khóa học “Phổ cập kỹ năng số cho sinh viên” trên nền tảng quốc gia Bình dân học vụ số	Bộ Giáo dục và đào tạo	2025		
44.	Vật lý ứng dụng	Trường Đại học Sao Đỏ	Lưu hành nội bộ, 2025		
45.	Vật lý đại cương và ứng dụng – Tập 1	Nguyễn Ngọc Tú, Mạc Thị Lê, Nguyễn Văn Tuyên	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2023		
46.	Vật lý đại cương và ứng dụng – Tập 2	Nguyễn Ngọc Tú, Mạc Thị Lê, Nguyễn Văn Tuyên	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2023		
47.	Cơ sở Vật lý tập 1	David Haliday	Nhà xuất bản Giáo dục, 2009	Vật lý đại ứng dụng	
48.	Cơ sở Vật lý tập 2	David Haliday	Nhà xuất bản Giáo dục, 2010		
49.	Cơ sở Vật lý tập 3	David Haliday	Nhà xuất bản Giáo dục, 2010		
50.	Cơ sở Vật lý tập 4	David Haliday	Nhà xuất bản Giáo dục, 2010		
51.	Cơ sở Vật lý tập 5	David Haliday	Nhà xuất bản Giáo dục, 2010		
52.	Tài liệu học tập Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023		
53.	Nghệ thuật nói trước công chúng	Nguyễn Hiến Lê	Văn hóa Thông tin, 2006, Việt Nam	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	
54.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	Chính trị Quốc gia, 2010, Việt Nam		
55.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh	Trần Hoàng	Văn hóa Thông tin, 2009, Việt Nam		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
	thiếu niên	Trung			
56.	8 kỹ năng mềm thiết yếu chia khóa đến thành công	Trần Thượng Tuấn, Nguyễn Minh Huy	Lao động, 2017, Việt Nam		
57.	Tài liệu học tập bóng chuyền hơi	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	Bóng chuyền hơi	
58.	Giáo trình bóng chuyền	Đinh Văn Lắm	Thể dục thể thao, 2006, Việt Nam		
59.	Luật bóng chuyền hơi	Tổng cục TDTT	Thể thao và Du lịch, 2018, Việt Nam		
60.	Tài liệu học tập Giáo dục thể chất	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023	Bóng đá	
61.	Giáo trình giảng dạy môn bóng đá	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023 Việt Nam		
62.	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng	NXB Thể dục thể thao, 2011, Việt Nam		
63.	Luật bóng đá	Tổng cục TDTT	NXB Thể dục thể thao, 2013, Việt Nam		
64.	GT giảng dạy môn cầu lông	ĐHSĐ	Lưu hành nội bộ, 2023 Việt Nam	Cầu lông	
65.	Cầu lông (giáo trình dùng cho sinh viên đại học TDTT)	Trần Văn Vinh	NXB Thể dục thể thao, 1998, Việt Nam		
66.	Giáo trình cầu lông (dùng cho sinh viên đại học sư phạm TDTT Hà Nội)	Hương Xuân Nguyên	NXB Thể dục thể thao, 2004, Việt Nam		
67.	Giáo trình khiêu vũ thể thao	Nguyễn Kim Quỳnh	Đại học Quốc gia, 2019, Việt Nam	Khiêu vũ thể thao	
68.	Luật thi đấu môn Khiêu vũ thể thao	Tổng cục Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, 2015, Việt Nam		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
69.	Hướng dẫn chính thức luật chơi Pickleball toàn cầu.	Liên đoàn Pickleball thế giới (IPF)	Liên đoàn Pickleball thế giới (IPF)	Pickleball	
70.	Tài liệu học tập Giáo dục quốc phòng - an ninh	ĐHSD	Lưu hành nội bộ, 2023	Giáo dục quốc phòng và an ninh	
71.	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Giáo dục, 2009, Việt Nam		
72.	Giáo trình quốc phòng - An ninh Tập 2		Giáo dục, 2009, Việt Nam		
73.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ, 2013		
74.	Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2	Bộ giáo dục đào tạo -Bộ quốc phòng	Lưu hành nội bộ, 2013		
75.	Đại số đại cương	Hoàng Xuân Sính	NXB Giáo dục Việt Nam, 2013, Việt Nam	Đại số đại cương	
76.	Giáo trình Đại số đại cương	Nguyễn Viết Đông	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2012, Việt Nam		
77.	Đại số đại cương	Nguyễn Hải Đăng	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2022, Việt Nam		
78.	Bài tập Đại số đại cương	Bùi Huy Hiền	NXB Giáo dục, 2016, Việt Nam		
79.	Đại số tuyến tính và Hình học giải tích , tập 1	Trần Trọng Huệ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, Việt Nam	Đại số tuyến tính 1	
80.	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2018, Việt Nam		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
81.	Toán cao cấp Đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2010, Việt Nam		
82.	Đại số tuyến tính và Hình học giải tích , tập 2	Trần Trọng Huệ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, Việt Nam	Đại số tuyến tính 2	
83.	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2018, Việt Nam		
84.	Toán cao cấp Đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2010, Việt Nam		
85.	Toán cao cấp tập 2	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục, 2018, Việt Nam	Giải tích 1	
86.	Gải tích 1	Trần Bình	NXB Giáo dục, 2019, Việt Nam		
87.	Giải tích hàm một biến	Đinh Công Phur	NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, 2017, Việt Nam		
88.	Toán cao cấp tập 3	Nguyễn Đình Trí	NXB Giáo dục, 2018, Việt Nam	Giải tích 2	
89.	Gải tích 2	Trần Bình	NXB Giáo dục, 2019, Việt Nam		
90.	Giải tích hàm một biến	Đinh Công Phur	NXB Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, 2017, Việt Nam		
91.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2018, Việt Nam	Gải tích 3	
92.	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và	NXB Giáo dục, 2020, Việt Nam		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
		Nguyễn Hồ Quỳnh			
93.	Giải tích hàm nhiều biến	Phạm Hoàng Quân, Đinh Thế Lục, Phạm Huy Điển, Tạ Duy Phụng	NXB Giáo dục, Việt Nam		
94.	Giáo trình Tôpô đại cương phần Độ đo và tích phân	Nguyễn Xuân Liêm	NXB Giáo dục, 1994, Việt Nam		
95.	Giáo trình Độ đo và Tích phân	Nguyễn Văn Khuê, Bùi Đắc Tấn, Phạm Hoàng Hiệp	NXB Đại học Sư phạm, 2014, Việt Nam	Không gian topo - độ đo - tích phân	
96.	Giáo trình Độ đo – Tích phân	Trần Văn Ân, Kiều Phương Chi	NXB Hà Nội, 2013, Việt Nam		
97.	Xác suất và thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, Việt Nam	Xác suất và thống kê	
98.	Mở đầu về lý thuyết xác suất và các ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, Việt Nam		
99.	Xác suất thống kê	Nguyễn Ngọc Linh, Mai Ngọc Diệu, Nguyễn Tài Hoa	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017, Việt Nam		
100.	Introduction to Probability and Statistics for Engineers and Scientists (5th ed.)	Sheldon M. Ross	Academic Press / Elsevier, 2014		
101.	Toán kinh tế	Bùi Minh Trí	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2008, Việt Nam	Quy hoạch tuyến tính	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
102.	Giáo trình phương pháp tối ưu trong kinh doanh	Trần Việt Lâm	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2010, Việt Nam		
103.	Giáo trình quy hoạch tuyến tính	Võ Văn Tuấn Dũng	NXB Thống kê, 2007, Việt Nam		
104.	Hình học vi phân	Đoàn Quỳnh	NXB Giáo dục, 2000, Việt Nam	Hình học vi phân	
105.	Hình học 1,2,3	Văn Như Cương	NXB Giáo dục, 2002, Việt Nam		
106.	Elementary Differential Geometry	Pressley. A	Springer, 2010		
107.	Toán rời rạc	Trường Đại học Sao Đỏ	2022, Việt Nam	Toán rời rạc	
108.	Toán rời rạc ứng dụng trong tin học	Đỗ Đức Giáo	NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, Việt Nam		
109.	Toán rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa - Nguyễn Tô Thành	NXB đại học quốc gia Hà Nội, 2009, Việt Nam		
110.	Giáo trình Toán rời rạc	Hoàng Nhật Quy	NXB Thông tin và truyền thông, 2010, Việt Nam		
111.	Hướng dẫn giải bài tập Toán rời rạc	Đỗ Đức Giáo	NXB Giáo dục Việt Nam, 2009, Việt Nam		
112.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Trường Đại học Sao Đỏ	2025	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	
113.	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	Nguyễn Đức Nghĩa	NXB Bách khoa Hà Nội, 2021, Việt Nam		
114.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lô	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010, Việt Nam		
115.	Cấu trúc dữ liệu, phân tích thuật toán và phát	Hồ Thuần, Hồ Cẩm Hà, Trần Thiên Thành	NXB Giáo dục, 2008, Việt Nam		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
	triển phần mềm				
116.	Cấu trúc dữ liệu và thuật toán	PGS.TS. Hoàng Nghĩa Tý	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2018, Việt Nam		
117.	Hàm thực và Giải tích hàm	Hoàng Tụy	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017, Việt Nam	Giải tích hàm	
118.	Giải tích hàm	Nguyễn Hữu Khánh	NXB Đại học Cần Thơ, 2014, Việt Nam		
119.	Giải tích hàm	Nguyễn Hoàng	NXB Huế, 2014, Việt Nam		
120.	Giải tích hàm	Lê Văn Khuê	NXB Đại học Sư phạm, 2012, Việt Nam		
121.	Tài liệu học tập Phương pháp tính	Trường Đại học Sao Đỏ	in lưu hành nội bộ, 2022, Việt Nam	Phương pháp tính	
122.	Phương pháp tính	Tạ Văn Đĩnh	NXB Giáo dục, 2017, Việt Nam		
123.	Giáo trình Phương pháp tính và Matlab	Lê Trọng Vinh, Trần Minh Toàn	NXB Đại học Bách Khoa - Hà Nội, 2019, Việt Nam		
124.	Giáo trình Phương pháp tính	Lê Thái Thành	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2019, Việt Nam		
125.	Đại số tuyến tính và Hình học giải tích, tập 1	Trần Trọng Huệ	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, Việt Nam	Phương trình vi phân	
126.	Toán cao cấp, tập 1	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục, 2018, Việt Nam		
127.	Toán cao cấp Đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh,		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
			2010, Việt Nam		
128.	Đại số sơ cấp	Dương Quốc Việt, Đàm Văn Nhĩ	NXB Đại học sư phạm, 2025, Việt Nam	Đại số sơ cấp	
129.	Đại số sơ cấp và thực hành giải toán	Hoàng Kỳ, Hoàng Thanh Hà	NXB Đại học sư phạm, 2005, Việt Nam		
130.	Khám phá tư duy – Kỹ thuật giải bất đẳng thức – bài toán Min-Max	Đặng Thành Nam	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, Việt Nam		
131.	Lập trình với ngôn ngữ R	Thanh Tran	(eBook), 2019	Lập trình R	
132.	Phân tích số liệu và tạo biểu đồ bằng R	Nguyễn Văn Tuấn	(eBook)		
133.	The Book of R	Tilman M. Davies	(eBook), 2016		
134.	R for Data Science	Garrett Grolemund, Hadley Wickham, Mine Çetinkaya-Rundel	(eBook), 2023		
135.	Giáo trình Quá trình ngẫu nhiên	Nguyễn Đức Nghĩa	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2012, Việt Nam	Quá trình ngẫu nhiên	
136.	Quá trình ngẫu nhiên và ứng dụng trong kỹ thuật	Nguyễn Văn Tiến	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2014, Việt Nam		
137.	Xác suất – Thống kê và Quá trình ngẫu nhiên	Nguyễn Văn Khuê	NXB Giáo dục, 2006, Việt Nam		
138.	English for Students of Mathematics	N.V. Solovey & I.V. Letunovskaya	Moscow State University Press, 2010	Tiếng Anh chuyên ngành Toán	
139.	The Story of	Stewart, Ian	Oxford		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
	Mathematics		University Press, 2012		
140.	English for Science and Mathematics	Cambridge University Press	2015		
141.	Introducing English for Specific Purposes	Anthony, L.	Routledge, 2014		
142.	Tài liệu học tập Chuyên đề Power BI	Trường Đại học Sao Đỏ	2025, Việt Nam	Chuyên đề Power BI	
143.	Giáo trình Power BI	Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà, Trần Phương Quỳnh, Phạm Quang Huy	NXB Thanh niên, 2024, Việt Nam		
144.	Master Excel Power Query	Leila Gharani	(eBook), 2020		
145.	Power Query for Power BI and Excel	Chris Webb	(eBook)		
146.	Collect combine and transform data using power query in Excel and Power BI	Daniil Maslyuk, Gil Raviv	(eBook), 2024		
147.	Giáo trình Phân tích số liệu thống kê	Đỗ Anh Tài	NXB Thống Kê, 2008, Việt Nam	Xử lý số liệu thống kê	
148.	Phương pháp thu thập và xử lý số liệu thống kê cơ bản	Hoàng Quy, Phương Lan	NXB Chính Trị Quốc Gia, 2016, Việt Nam		
149.	Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, Ngô Văn Thứ	NXB Đại Học Kinh tế Quốc dân, 2015, Việt Nam		
150.	Giáo trình toán tài chính	PGS. Mai Siêu	NXB Giáo dục, 2018, Việt Nam	Toán tài chính	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
151.	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế (T2)	Lê Đình Thúy	NXB Thống kê, 2004, Việt Nam		
152.	Toán Tài chính	Bùi Hữu Phước	NXB Phương Đông, 2012, Việt Nam		
153.	Cơ sở Toán tài chính	Trần Trọng Nguyên	NXB Khoa học kỹ thuật, 2011, Việt Nam		
154.	Toán tài chính ứng dụng : thực hành chi tiết bằng Excel	ThS Đỗ Thiên Anh Tuấn	NXB Thống kê, 2010, Việt Nam		
155.	Các phương pháp toán học trong tài chính	Nguyễn Văn Hữu, Vương Quân Hoàng	NXB Đại học Quốc gia Hà nội, 2007, Việt Nam		
156.	Lý Thuyết Mô Hình Toán Kinh Tế	Hoàng Đình Tuấn	NXB Đại học Kinh tế, 2022, Việt Nam	Mô hình toán kinh tế	
157.	Mô Hình Toán Kinh Tế	Bùi Duy Phú	NXB Giáo dục, 2019, Việt Nam		
158.	Mô Hình Toán Kinh Tế	Nguyễn Quang Dong	NXB Thống kê, 2010, Việt Nam		
159.	Lập trình Python	Hoàng Thị An, Phạm Thị Hường, Hoàng Thị Ngát, Nguyễn Phúc Hậu và Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, 2025, Việt Nam	Lập trình Python	
160.	Python Cookbook 3rd	David Beazley and Brian K. Jones	O'Reilly Media Packt Publishing, 2013		
161.	Python GUI Programming Cookbook 2nd	Burkhard A. Meier	Packt Publishing, 2017		
162.	Machine Learning cơ	Vũ Hữu Tiệp	Nhà xuất bản Khoa học và kỹ		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
	bản		thuật, 2018, Việt Nam		
163.	Making Games with Python & Pygame	AI Sweigart	Createspace Independent Pub, 2012		
164.	Deep Learning cơ bản	Nguyễn Thanh Tuấn	(ebook), 2020		
165.	Giáo trình tập hợp và logic toán	Phạm Ngọc Hoa, Nguyễn Thị Thu Hà	Nhà xuất bản Dân trí, 2024, Việt Nam	Logic toán	
166.	Cơ sở lý thuyết tập hợp logic toán	Nguyễn Tiến Trung	Nhà xuất bản Giáo dục, 2008, Việt Nam		
167.	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	Trần Diên Hiền, Nguyễn Xuân Liêm	Nhà xuất bản Giáo dục & Nhà xuất bản Đại học sư phạm, 2007, Việt Nam		
168.	Tối ưu hóa	Nguyễn Hải Thanh	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2006, Việt Nam	Tối ưu hóa	
169.	Tối ưu hoá quy hoạch tuyến tính và rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa	NXB Giáo dục, 1998, Việt Nam		
170.	Tối ưu hoá ứng dụng	Nguyễn Nhật Lệ	NXB KHKT Hà Nội, 2001, Việt Nam		
171.	Số học thuật toán – Cơ sở lý thuyết và tính toán thực hành	Hà Huy Khoái, Phạm Huy Diễn	NXB ĐHQG HN, 2003, Việt Nam	Số học thuật toán	
172.	Một số vấn đề Số học chọn lọc	Nguyễn Văn Mậu, Trần Nam Dũng, Đặng Hùng Thắng, Đặng Huy Ruận	NXB GD, 2008, Việt Nam		
173.	Giáo trình số học	Lại Đức Thịnh	NXB GD, 1970, Việt Nam		
174.	Số học	Hà Huy Khoái	NXB GD, 2004,		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
			Việt Nam		
175.	Số học	Nguyễn Tiến Tài, Nguyễn Hữu Hoan	NXB GD, 2001, Việt Nam		
176.	Tài liệu học tập Quản trị cơ sở dữ liệu SQL server	Trường Đại học Sao Đỏ	2025, Việt Nam		
177.	Microsoft SQL Server 2008	Phạm Hữu Khang, Phương Lan	NXB Lao động xã hội, 2010, Việt Nam		
178.	Introducing Microsoft SQL Server 2019	Kellyn Gorman, Allan Hirt, Dave Noderer, James Rowland-Jones, Arun Sirpal, et al.	Packt Publishing, 2019	Ngôn ngữ SQL	
179.	Microsoft SQL Server 2012	Patrick LeBlanc	Microsoft Corporation - O'Reilly Media, Inc., 2013		
180.	Toán ứng dụng	Nguyễn Hải Thanh	NXB ĐHSP, Hà Nội, 2005, Việt Nam		
181.	Giáo trình toán ứng dụng trong tin học	Bùi Minh Trí	NXB Giáo dục, 2011, Việt Nam	Thực tập chuyên ngành	
182.	Toán cao cấp đại số tuyến tính	Đỗ Công Khanh	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh		
183.	Giáo trình phương trình đạo hàm riêng	Nguyễn Thừa Hợp	NXB ĐHQG Hà Nội, 2006, Việt Nam	Phương trình đạo hàm riêng	
184.	Bài giảng phương trình đạo hàm riêng	Trần Văn Bằng	Trường ĐHSP Hà Nội 2, 2017, Việt Nam		
185.	Phương trình đạo hàm	Nguyễn Mạnh	NXB ĐHSP, Hà Nội, 2007, Việt		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
	riêng, phần 1	Hùng	Nam		
186.	Giáo trình phương trình đạo hàm riêng	Nguyễn Thừa Hợp	NXB ĐHQG, Hà Nội, 2001, Việt Nam		
187.	Hàm số biến số phức	Trương Văn Thương	NXB GD, 2009, Việt Nam		
188.	Hàm phức và toán tử Laplace	Võ Đăng Thảo	NXB ĐH Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, 2008, Việt Nam	Hàm biến phức	
189.	Bài tập Hàm biến phức	Đậu Thế Cấp	NXB GD, 2002, Việt Nam		
190.	Cơ sở phương trình vi phân và lý thuyết ổn định	Nguyễn Thế Hoàn, Phạm Phú	NXBGD, 2000, Việt Nam		
191.	Cơ sở lý thuyết phương trình vi phân	Cung Thế Anh	NXB ĐHSP, 2015, Việt Nam	Lý thuyết ổn định hệ phương trình vi phân	
192.	Tuyển tập bài tập phương trình vi phân	Phan Huy Thiện	NXB Giáo dục, 2010, Việt Nam		
193.	Hàm biến phức	Lê Mậu Hải, Bùi Đắc Tắc	Nhà xuất bản Giáo dục, 2001, Việt Nam		
194.	Hàm biến phức	Nguyễn Văn Khuê, Lê Mậu Hải	NXB ĐHQG Hà Nội, 2019, Việt Nam	Giải tích phức	
195.	Hướng dẫn giải bài tập hàm biến phức	Nguyễn Thủy Thanh	NXB ĐHQG Hà Nội, 2020, Việt Nam		
196.	Tài liệu học tập Lập trình MATLAB	Trương Đại học Sao Đỏ	2025, Việt Nam		
197.	Lập trình Matlab và ứng dụng	Nguyễn Hoàng Hải và Nguyễn Việt Anh	NXB Khoa học và kỹ thuật, 2023, Việt Nam	Lập trình MATLAB	
198.	MATLAB Data Analysis	The MathWorks, Inc	(ebook), 2025		

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
199.	MATLAB Graphics	The MathWorks, Inc	(ebook), 2020		
200.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Toán ở trường trung học	Tăng Minh Dũng, Vũ Như Thư Hương	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2022, Việt Nam	Ứng dụng CNTT trong dạy học	
201.	Giáo trình ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	Đỗ Mạnh Cường	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, Việt Nam		
202.	Giáo trình sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học toán	Trịnh Thanh Hải	Đại học Thái Nguyên, 2005, Việt Nam		
203.	Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp	Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ	Nhà xuất bản Tài chính, 2015, Việt Nam	Phân tích tài chính	
204.	Phân tích tài chính	Nguyễn Thị Ngọc Trang Nguyễn Thị Liên Hoa	Nhà xuất bản lao động xã hội		
205.	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Lưu Thị Hương	Nhà xuất bản thống kê		
206.	Giáo trình toán ứng dụng trong tin học	Bùi Minh Trí	NXB Giáo dục, 2011, Việt Nam	Thực tập tốt nghiệp	
207.	Lý thuyết mô hình toán kinh tế	Hoàng Đình Tuấn	NXB Đại học Kinh tế		
208.	Giáo trình Lý thuyết xác suất & thống kê ứng dụng	Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Trung Đông, Nguyễn Văn Phong, Dương Thị Phương Liên,	NXB Kinh tế Quốc dân, 2021, Việt Nam	Xác suất – Thống kê và ứng dụng	

STT	Tên giáo trình/sách	Tác giả	NXB, năm, nước	Tên học phần sử dụng/tham khảo	Ghi chú
		et al.			
209.	Giáo trình Xác suất – Thống kê và ứng dụng	Lê Sĩ Đồng	NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, Việt Nam	Xác suất – Thống kê và ứng dụng Xác suất –	
210.	Giáo trình Phân tích số liệu thống kê	Đỗ Anh Tài	NXB Thống kê, 2008, Việt Nam		
211.	Ứng dụng thống kê trong kinh tế và kinh doanh	Nguyễn Văn Khuê	NXB Kinh tế Quốc dân, 2020, Việt Nam		
212.	Thống kê ứng dụng trong khoa học dữ liệu	Nguyễn Minh Tuấn	NXB Bách khoa Hà Nội, 2022, Việt Nam		
213.	Phân tích dữ liệu kinh tế bằng Power BI	Nguyễn Tuấn Duy	NXB Thống kê, 2020, Việt Nam		
214.	Tối ưu hóa	Nguyễn Hải Thanh	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2006, Việt Nam	Tối ưu và ứng dụng	
215.	Tối ưu hoá quy hoạch tuyến tính và rời rạc	Nguyễn Đức Nghĩa	NXB Giáo dục, 1998, Việt Nam		
216.	Tối ưu hoá ứng dụng	Nguyễn Nhật Lệ	NXB KHKT Hà Nội, 2001, Việt Nam		

Như vậy, Trường ĐHSĐ có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng được yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT ngành Toán ứng dụng, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn CTĐT theo lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo theo quy định hiện hành.

VI. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NGÀNH ĐÀO TẠO

6.1. Đơn vị chuyên môn quản lý đào tạo

Trong cơ cấu tổ chức, Trường ĐHSĐ đã có đơn vị chuyên môn cấp phòng/khoa để quản lý các hoạt động chuyên môn, GV, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo Toán ứng dụng dự kiến mở, cụ thể:

- Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý các CTĐT của Trường ĐHSĐ là

Phòng Quản lý đào tạo và Tuyển sinh, Phòng Quản lý chất lượng. Các đơn vị này có chức năng, nhiệm vụ tham mưu lãnh đạo Nhà trường thực hiện công tác định hướng, xây dựng và phát triển ngành nghề đào tạo; kế hoạch đào tạo; quy định và quy trình đào tạo; công tác tổ chức giảng dạy; biên soạn giáo trình; công tác kiểm tra, đánh giá, xét tốt nghiệp, cấp phát văn bằng và chứng chỉ.

- Đơn vị quản lý ngành Toán ứng dụng dự kiến mở là Khoa Luật và Giáo dục Đại cương với 17 năm kinh nghiệm giảng dạy các học phần toán học và ứng dụng toán học trong các CTĐT của các ngành của Trường.

6.2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Toán ứng dụng gồm các thành viên sau (Bảng 6.1):

Bảng 6.1. Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Toán ứng dụng dự kiến mở 8

Số TT	Họ và tên	Trình độ Đào tạo	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Thị Diệp	Tiến sĩ	Trưởng khoa	
2	Phạm Xuân Đức	Tiến sĩ	Phó trưởng khoa/Trưởng Bộ môn	
3	Hoàng Thị Hòa	Tiến sĩ	Phó trưởng khoa/Trưởng Bộ môn	

VII. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

7.1. Dự báo các rủi ro và các giải pháp xử lý rủi ro khi mở ngành

Như phân tích và kết quả khảo sát nhu cầu nguồn lực ngành Toán ứng dụng dự kiến mở phần trên và các điều kiện mở ngành. Ngành Toán ứng dụng trình độ đại học được dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định và nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên một số rủi ro có thể xảy ra sau khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cần phải dự báo để có giải pháp phòng ngừa và xử lý nếu xảy ra. Một số rủi ro có thể xảy ra khi triển khai tuyển sinh, đào tạo ngành Toán ứng dụng như sau: Rủi ro đến từ chất lượng nguồn nhân lực, rủi ro tác động đến chất lượng đào tạo, rủi ro tác động đến tỉ lệ giảng viên chuyển công tác và tham gia giảng dạy, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, rủi ro trong chất lượng tuyển sinh, rủi ro chất lượng đầu ra, rủi ro trong cạnh tranh giữa các cơ sở đào tạo, không giữ được mã ngành

đào tạo.

- Rủi ro đến từ chất lượng nguồn nhân lực

Kết quả khảo sát thực tế đã trình bày ở phần trên cho thấy, nhu cầu nhân lực ngành Toán ứng dụng là rất lớn nên rủi ro không tuyển sinh được là rất thấp. Tuy nhiên, trong trường hợp không tuyển sinh được Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường thêm công tác truyền thông trực tiếp và gián tiếp qua các nền tảng số để tiếp cận người học, cung cấp thông tin tuyển sinh cũng như tư vấn về xu thế phát triển ngành, nhu cầu và cơ hội của ngành đào tạo ... Bên cạnh đó tiếp cận nhà tuyển dụng để cập nhật yêu cầu, khảo sát lại nhu cầu xã hội.

Trong trường hợp tuyển sinh quá ít không đủ điều kiện mở lớp, Nhà trường/Khoa sẽ tăng cường liên kết với đơn vị sử dụng lao động để thu hút người học; luôn định kỳ đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng và thu hút người học.

- Sự cạnh tranh trong tuyển sinh đối với ngành đào tạo dự kiến mở

Luôn nâng cao và bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín, vị thế của trường đối với xã hội.

Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật CTĐT cho phù hợp với yêu cầu tuyển dụng, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với các cơ sở đào tạo khác.

Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, việc giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. Nâng cao hiệu quả của hoạt động truyền thông tư vấn tuyển sinh bằng nhiều hình thức, phương tiện khác nhau. Nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân SV, từng GV, các đơn vị quản lý trong hoạt động tư vấn tuyển sinh.

- Sinh viên bỏ học, thực hiện không đảm bảo tiến độ học tập

Thiết kế CTĐT, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học. Bồi dưỡng GV giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, linh hoạt trong các hình thức và phương pháp giảng dạy nhằm thu hút và tạo hứng thú học tập cho SV.

Hỗ trợ thường xuyên và kịp thời cho người học. Giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập định hướng, theo dõi tình hình học tập của từng SV, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời nắm bắt các nguyên nhân SV bỏ học để có phương án hỗ trợ.

Sau mỗi kỳ học, giáo viên chủ nhiệm, Khoa thống kê tình trạng học tập, tình hình nợ HP, các điều kiện học tiếp của SV... kịp thời thông báo, trao đổi với SV và tìm ra các nguyên nhân và hướng khắc phục, hỗ trợ.

Nhà trường xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý và thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện. Có những chính sách hỗ trợ, động viên, khen thưởng đối với SV có hoàn cảnh khó khăn, SV có kết quả học tập tốt v.v...

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các Hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

Đối với các trường hợp SV bỏ học do việc lựa ngành học chưa phù hợp với sở thích, năng lực bản thân cần làm tốt công tác tư vấn tuyển sinh để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp.

Trường hợp SV không theo kịp tiến độ đào tạo do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu, các giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở kế hoạch học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

- Rủi ro về thiếu đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT

Sự biến động về đội ngũ GV xảy ra có thể do nguyên nhân GV đến tuổi về hưu hoặc chuyển công tác. Giải pháp xử lý rủi ro là Nhà trường/Khoa phải có chiến lược và kế hoạch phát triển đội ngũ, chú ý đến công tác tuyển dụng, có chính sách thu hút GV để đảm bảo tính kế cận đội ngũ. Bên cạnh đó, Nhà trường có chính sách hỗ trợ, chế độ đãi ngộ và động viên phù hợp để giữ chân GV, đặc biệt các GV có trình độ chuyên môn cao.

7.2. Giải pháp và phương án ngăn ngừa xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Các nguyên nhân có thể xảy ra rủi ro bị đình chỉ hoạt động đào tạo như không đáp ứng được điều kiện về đội ngũ thực hiện CTĐT, không đáp ứng về điều kiện cơ sở vật chất hoặc do nhiều năm không tuyển sinh được ngành dự kiến mở.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, GV, nhà trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với GV, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Nhà trường cần có kế hoạch, thông báo để cho GV có sự chủ động trong sắp xếp công việc; hoặc tạo điều kiện cho GV có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để GV có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Nhà trường liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo ngành Toán ứng dụng để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập; rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại trường, lựa chọn các

ngành cùng nhóm mà học viên đảm bảo đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyển ngành cho người học; hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

VIII. TỰ ĐÁNH GIÁ

Đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Toán ứng dụng , mã ngành: 7460112 đã được xây dựng đáp ứng các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT- BGDDT ngày 18/01/2022 ; Thông tư số 12/2024/TT-BGDDT ngày 10/10/2024, theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường DHSĐ cam kết triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề án, bảo đảm chất lượng đào tạo ngành Toán ứng dụng, mã ngành 7460112 trình độ đại học theo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho địa phương và đất nước.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- Hội đồng Trường, BGH;
- Đăng website trường;
- Lưu: VT, ĐT&TS, L&GDĐC.



TS. Đỗ Văn Đình